

ĐẠI HỌC THÁI NGUYÊN
TRƯỜNG ĐẠI HỌC NÔNG LÂM

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 1290 /QĐ/ĐHNL-HSSV

Thái Nguyên, ngày 07 tháng 10 năm 2016

QUYẾT ĐỊNH

Về việc miễn, giảm học phí bổ sung từ kỳ I, năm 2016-2017
cho SV hệ chính quy

HIỆU TRƯỞNG TRƯỜNG ĐẠI HỌC NÔNG LÂM

Căn cứ vào Quy chế tổ chức và hoạt động của Đại học vùng và các cơ sở giáo dục đại học thành viên ban hành kèm theo Thông tư số 08/2014/TT-BGDĐT ngày 20 tháng 3 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo;

Căn cứ Nghị định số 86/2015/NĐ-CP, ngày 02 tháng 10 năm 2015 Quy định về cơ chế thu, quản lý học phí đối với cơ sở giáo dục thuộc hệ thống giáo dục quốc dân và chính sách miễn, giảm học phí, hỗ trợ chi phí học tập từ năm 2015-2016 đến năm học 2020-2021;

Căn cứ Thông tư liên tịch số 09/TTLT-BGDĐT-BTC-BLĐTBXH ngày 30/3/2016 của Bộ Giáo dục và Đào tạo, Bộ Tài chính và Bộ Lao động Thương binh - Xã hội hướng dẫn thực hiện một số điều của Nghị định số 86/2015/NĐ-CP ngày 02 tháng 10 năm 2015 của Chính phủ quy định về cơ chế thu, quản lý học phí đối với cơ sở giáo dục thuộc hệ thống giáo dục quốc dân và chính sách miễn, giảm học phí, hỗ trợ chi phí học tập từ năm học 2015-2016 đến năm học 2020-2021

Theo đề nghị của Trường phòng Công tác HSSV.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1: Miễn, giảm học phí từ kỳ I, năm học 2016-2017 cho **635** sv hệ chính quy, trong đó: Hộ nghèo, cận nghèo miễn 100%: **216** SV; Con Thương binh miễn 100%: **01** SV; Khu vực ĐBKK giảm 70%: **417** SV; Giảm 50%: **01** SV

(có danh sách mức miễn giảm học phí và thời gian miễn giảm gửi kèm)

Điều 2: Các Ông (bà) Trường phòng: Công tác HSSV, ĐT, KH-TC, Trường các Khoa, Trung tâm ĐT&PTQT và các sinh viên có tên ở Điều 1 chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận: *ds*

- BGH (B/cáo);
- Như điều 2 (T/hiện);
- Lưu VT, CT HSSV.



KT. HIỆU TRƯỞNG
PHÓ HIỆU TRƯỞNG
PGS.TS. *Trần Huê Viên*

DANH SÁCH SINH VIÊN MIỄN GIẢM HỌC PHÍ TỪ HỌC KỲ I, NĂM 2016-2017 ĐẾN HẾT KHÓA HỌC

(Kèm theo Quyết định số 1290 /QĐ/ĐHTN-HSSV ngày 07 tháng 10 năm 2016)

STT	Mã SV	Họ và tên	Ngày sinh	Lớp	Dân tộc	Đối tượng MGHP	Mức MGHP	Thời gian	Hộ khẩu thường trú			Khoa
1	DTN1353150026	Nông Minh Ngọc	02/09/1995	Công nghệ sinh học 1 K45	Nùng	KV-ĐBKK	70%	Từ kỳ I, 2016-2017 đến hết khóa học	Phì Nhừ	Điện Biên Đông	Điện Biên	CNSH&CNTP
2	DTN1353150007	Nông Thị Đẹp	19/07/1995	Công nghệ sinh học 1 K45	Nùng	KV-ĐBKK	70%	Từ kỳ I, 2016-2017 đến hết khóa học	Kim Sơn	Lục Ngạn	Bắc Giang	CNSH&CNTP
3	DTN1353110075	Đàm Thị Thu Giang	18/12/1995	Công nghệ sinh học 1 K45	Nùng	KV-ĐBKK	70%	Từ kỳ I, 2016-2017 đến hết khóa học	Cách Linh	Phục Hoà	Cao Bằng	CNSH&CNTP
4	DTN1353130017	Bùi Thu Phương	18/07/1995	Công nghệ thực phẩm 1 K45	Mường	KV-ĐBKK	70%	Từ kỳ I, 2016-2017 đến hết khóa học	Đồng Môn	Lạc Thủy	Hòa Bình	CNSH&CNTP
5	DTN1354120061	Lê Mạnh Dương	19/05/1995	Công nghệ thực phẩm 1 K45	Sán Diu	KV-ĐBKK	70%	Từ kỳ I, 2016-2017 đến hết khóa học	Bình Sơn	TX Sông Công	Thái Nguyên	CNSH&CNTP
6	DTN1453170043	Hoàng Thị Vẻ	26/11/1995	Công nghệ thực phẩm K46	Dáy	KV-ĐBKK	70%	Từ kỳ I, 2016-2017 đến hết khóa học	Lào Cai	Bát Xát	Lào Cai	CNSH&CNTP
7	DTN1453170074	Ma Thị Ngọc Diệp	17/10/1996	Công nghệ thực phẩm K46	Tày	KV-ĐBKK	70%	Từ kỳ I, 2016-2017 đến hết khóa học	Quan Sơn	Chi Lăng	Lạng Sơn	CNSH&CNTP
8	DTN1453170025	Đinh Thị Nhàn	14/04/1994	Công nghệ thực phẩm K46	Mường	KV-ĐBKK	70%	Từ kỳ I, 2016-2017 đến hết khóa học	Minh Tiến	Ngọc Lặc	Thanh Hóa	CNSH&CNTP
9	DTN1553050155	Hoàng Thị Ly	25/11/1997	Chăn nuôi thú y (POHE) K47	Tày	KV-ĐBKK	70%	Từ kỳ I, 2016-2017 đến hết khóa học	Quy Kỳ	Định Hóa	Thái Nguyên	CNTY
10	DTN1553040058	Âu Văn Phúc	04/10/1997	Chăn nuôi thú y (POHE) K47	Sán Diu	KV-ĐBKK	70%	Từ kỳ I, 2016-2017 đến hết khóa học	Nam Hòa	Đồng Hỷ	Thái Nguyên	CNTY
11	DTN1353040044	Lâm Thị Sáu	04/01/1993	Chăn nuôi thú y 1 K45	Tày	KV-ĐBKK	70%	Từ kỳ I, 2016-2017 đến hết khóa học	Cao Trĩ	Ba Bể	Bắc Cạn	CNTY
12	DTN1353040070	Lý Thị Hiền	05/01/1994	Chăn nuôi thú y 1 K45	Tày	KV-ĐBKK	70%	Từ kỳ I, 2016-2017 đến hết khóa học	Đức Lương	Đại Từ	Thái Nguyên	CNTY
13	DTN1353040013	Phạm Văn Hóa	08/10/1995	Chăn nuôi thú y 1 K45	Mường	KV-ĐBKK	70%	Từ kỳ I, 2016-2017 đến hết khóa học	Minh Sơn	Ngọc Lặc	Thanh Hóa	CNTY
14	DTN1353040269	Ma Hữu Duy	29/06/1992	Chăn nuôi thú y 3 K45	Tày	KV-ĐBKK	70%	Từ kỳ I, 2016-2017 đến hết khóa học	Quan Sơn	Chi Lăng	Lạng Sơn	CNTY
15	DTN1353040234	Hoàng Thị Thanh Thủy	01/02/1995	Chăn nuôi thú y 3 K45	Kinh	CTB 21%	100%	Từ kỳ I, 2016-2017 đến hết khóa học	Điền Xá	Nam Trực	Nam Định	CNTY
16	DTN1453040019	Vàng A Phủ	26/04/1996	Chăn nuôi thú y K46 N01	Mông	KV-ĐBKK	70%	Từ kỳ I, 2016-2017 đến hết khóa học	Si Ma Cai	Bắc Hà	Lào Cai	CNTY
17	DTN1430A0213	Triệu Thị Lan	02/08/1995	Chăn nuôi thú y K46 N01	Tày	KV-ĐBKK	70%	Từ kỳ I, 2016-2017 đến hết khóa học	TT. Xuân Hoà	Hà Quảng	Cao Bằng	CNTY
18	DTN1453040015	Nông Thị Ngà	15/07/1996	Chăn nuôi thú y K46 N01	Tày	KV-ĐBKK	70%	Từ kỳ I, 2016-2017 đến hết khóa học	Đình Phong	Trùng Khánh	Cao Bằng	CNTY
19	DTN1453120010	Trần Thị Minh Hương	08/11/1996	Chăn nuôi thú y K46 N01	Thái	KV-ĐBKK	70%	Từ kỳ I, 2016-2017 đến hết khóa học	Sốp Cộp	Sốp Cộp	Sơn La	CNTY
20	DTN1453T0020	Nông Thị Nha	26/09/1996	Chăn nuôi thú y K46 N02	Tày	KV-ĐBKK	70%	Từ kỳ I, 2016-2017 đến hết khóa học	Lý Quốc	Hạ Lang	Cao Bằng	CNTY
21	DTN1454120215	Tô Thị Phương Thảo	04/07/1996	Chăn nuôi thú y K46 N02	Tày	KV-ĐBKK	70%	Từ kỳ I, 2016-2017 đến hết khóa học	Đồng Loan	Hạ Lang	Cao Bằng	CNTY
22	DTN1453080007	Lã Thị Lê Na	12/02/1996	Chăn nuôi thú y K46 N02	Tày	KV-ĐBKK	70%	Từ kỳ I, 2016-2017 đến hết khóa học	Cao Chương	Trà Lĩnh	Cao Bằng	CNTY

23	DTN1453040056	Nông Thị Hằng	26/08/1995	Chăn nuôi thú y K46 N02	Nùng	KV-ĐBKK	70%	Từ kỳ I, 2016-2017 đến hết khóa học	Hồng Định	Quảng Uyên	Cao Bằng	CNTY
24	DTN15530A0133	Sèn Quốc Việt	01/09/1996	Chăn nuôi thú y K47 N02	Nùng	KV-ĐBKK	70%	Từ kỳ I, 2016-2017 đến hết khóa học	Đản Ván	Hoàng Su Phì	Hà Giang	CNTY
25	DTN1553040003	Nông Văn Anh	20/04/1997	Chăn nuôi thú y K47 N02	Tày	KV-ĐBKK	70%	Từ kỳ I, 2016-2017 đến hết khóa học	Thượng Hà	Bảo Lạc	Cao Bằng	CNTY
26	DTN1153050068	Lương Thị Lý	13/01/1993	Thú y 1 K44	Nùng	KV-ĐBKK	70%	Từ kỳ I, 2016-2017 đến hết khóa học	Bình Long	Võ Nhai	Thái Nguyên	CNTY
27	DTN1353050251	Triệu Thị Quỳnh	10/04/1995	Thú y 1 K45	Tày	KV-ĐBKK	70%	Từ kỳ I, 2016-2017 đến hết khóa học	Tân An	Chiêm Hóa	Tuyên Quang	CNTY
28	DTN1353050255	Nông Thị Hương Châm	03/12/1995	Thú y 1 K45	Tày	KV-ĐBKK	70%	Từ kỳ I, 2016-2017 đến hết khóa học	Đức Xuân	Thạch An	Cao Bằng	CNTY
29	DTN1353050145	Lý Anh Tuấn	26/04/1995	Thú y 2 K45	Dao	KV-ĐBKK	70%	Từ kỳ I, 2016-2017 đến hết khóa học	Nam Sơn	Ba Chẽ	Quảng Ninh	CNTY
30	DTN1353040143	DƯƠNG THỊ Huệ	01/06/1995	Thú y 2 K45	Tày	KV-ĐBKK	70%	Từ kỳ I, 2016-2017 đến hết khóa học	Quỳnh Sơn	Bắc Sơn	Lạng Sơn	CNTY
31	DTN1353050259	Mai Hà Nga	03/09/1994	Thú y 2 K45	Tày	KV-ĐBKK	70%	Từ kỳ I, 2016-2017 đến hết khóa học	Cao Kỳ	Chợ Mới	Bắc Cạn	CNTY
32	DTN1353050034	Hoàng Thị Thu Hà	29/04/1995	Thú y 2 K45	Tày	KV-ĐBKK	70%	Từ kỳ I, 2016-2017 đến hết khóa học	Sàn Viên	Lộc Bình	Lạng Sơn	CNTY
33	DTN1353050106	Nguyễn Đình Sang	15/06/1993	Thú y 2 K45	Tày	KV-ĐBKK	70%	Từ kỳ I, 2016-2017 đến hết khóa học	Yên Trạch	Phú Lương	Thái Nguyên	CNTY
34	DTN1353050262	Lê Hữu Toàn	24/09/1994	Thú y 2 K45	Nùng	KV-ĐBKK	70%	Từ kỳ I, 2016-2017 đến hết khóa học	Lê Lai	Thạch An	Cao Bằng	CNTY
35	DTN1354120456	Vĩ Lan Hương	17/11/1992	Thú y 2 K45	Nùng	KV-ĐBKK	70%	Từ kỳ I, 2016-2017 đến hết khóa học	TT. Thông Nông	Thông Nông	Cao Bằng	CNTY
36	DTN1353050011	Nông Thị Bạch	23/11/1994	Thú y 2 K45	Tày	KV-ĐBKK	70%	Từ kỳ I, 2016-2017 đến hết khóa học	Phong Nặm	Trùng Khánh	Cao Bằng	CNTY
37	DTN1353050200	Nông Văn Cương	11/11/1995	Thú y 2 K45	Nùng	KV-ĐBKK	70%	Từ kỳ I, 2016-2017 đến hết khóa học	Việt Yên	Văn Quan	Lạng Sơn	CNTY
38	DTN1353050153	Hoàng Thị Tươi	22/11/1995	Thú y 2 K45	Nùng	KV-ĐBKK	70%	Từ kỳ I, 2016-2017 đến hết khóa học	Hòa Bình	Văn Quan	Lạng Sơn	CNTY
39	DTN1353050095	Sùng A Páo	08/04/1995	Thú y 2 K45	HMông	KV-ĐBKK	70%	Từ kỳ I, 2016-2017 đến hết khóa học	Nậm Kè	Mường Nhé	Điện Biên	CNTY
40	DTN1353050187	Nông Thị Nguyệt	09/07/1993	Thú y 3 K45	Tày	KV-ĐBKK	70%	Từ kỳ I, 2016-2017 đến hết khóa học	Đào Ngạn	Hà Quảng	Cao Bằng	CNTY
41	DTN1353050045	Dương Thị Thu Hậu	12/01/1995	Thú y 3 K45	Tày	KV-ĐBKK	70%	Từ kỳ I, 2016-2017 đến hết khóa học	Minh Tân	Bảo Yên	Lào Cai	CNTY
42	DTN1453050060	Nguyễn Đàm Hiệp	28/12/1996	Thú y K46N01	Nùng	KV-ĐBKK	70%	Từ kỳ I, 2016-2017 đến hết khóa học	Tràng Xá	Võ Nhai	Thái Nguyên	CNTY
43	DTN1453050136	Hoàng Anh Thắng	26/05/1996	Thú y K46N01	Tày	KV-ĐBKK	70%	Từ kỳ I, 2016-2017 đến hết khóa học	Vũ Lễ	Bắc Sơn	Lạng Sơn	CNTY
44	DTN1453050100	Ma Công Nam	03/03/1996	Thú y K46N01	Tày	KV-ĐBKK	70%	Từ kỳ I, 2016-2017 đến hết khóa học	Minh Quang	Chiêm Hóa	Tuyên Quang	CNTY
45	DTN1430A0101	Lý Trung Đại	02/09/1995	Thú y K46N01	Nùng	KV-ĐBKK	70%	Từ kỳ I, 2016-2017 đến hết khóa học	Kim Loan	Hạ Lang	Cao Bằng	CNTY
46	DTN1430A0290	Trần Hồng Nhung	16/09/1995	Thú y K46N01	Nùng	KV-ĐBKK	70%	Từ kỳ I, 2016-2017 đến hết khóa học	TT. Đông Khê	Thạch An	Cao Bằng	CNTY
47	DTN1453050122	Đinh Thị Phương	29/09/1995	Thú y K46N01	Tày	KV-ĐBKK	70%	Từ kỳ I, 2016-2017 đến hết khóa học	Tri Phương	Tràng Định	Lạng Sơn	CNTY
48	DTN1430A0165	Triệu Anh Hoàng	18/09/1995	Thú y K46N01	Dao	KV-ĐBKK	70%	Từ kỳ I, 2016-2017 đến hết khóa học	Bình Long	Võ Nhai	Thái Nguyên	CNTY
49	DTN1453050157	Vy Thị Thu Trang	04/04/1996	Thú y K46N02	Tày	KV-ĐBKK	70%	Từ kỳ I, 2016-2017 đến hết khóa học	Cao Thượng	Ba Bể	Bắc Cạn	CNTY

50	DTN1453050020	Đặng Trung	Du	03/03/1996	Thú y K46N03	Dao	KV-ĐBK	70%	Từ kỳ I, 2016-2017 đến hết khóa học	Tân Hòa	Bình Gia	Lạng Sơn	CNTY
51	DTN1453050160	Tô Văn	Trung	15/11/1996	Thú y K46N03	Tày	KV-ĐBK	70%	Từ kỳ I, 2016-2017 đến hết khóa học	Xuất Lễ	Cao Lộc	Lạng Sơn	CNTY
52	DTN1453040080	Hứa Thị	Sim	26/12/1996	Thú y K46N03	Tày	KV-ĐBK	70%	Từ kỳ I, 2016-2017 đến hết khóa học	Trung Lương	Đại Từ	Thái Nguyên	CNTY
53	DTN1453050170	Lê Hoàng Anh	Tuấn	18/09/1996	Thú y K46N03	Nùng	KV-ĐBK	70%	Từ kỳ I, 2016-2017 đến hết khóa học	La Bằng	Đại Từ	Thái Nguyên	CNTY
54	DTN1453050098	Lê Đình	Nam	16/10/1996	Thú y K46N03	Tày	KV-ĐBK	70%	Từ kỳ I, 2016-2017 đến hết khóa học	Bộc Nhiều	Định Hóa	Thái Nguyên	CNTY
55	DTN1453050013	Vầy A	Chính	10/10/1995	Thú y K46N03	Giấy	KV-ĐBK	70%	Từ kỳ I, 2016-2017 đến hết khóa học	Nậm Ban	Mèo Vạc	Hà Giang	CNTY
56	DTN1453050195	Ma Lê	Tài	29/05/1996	Thú y K46N03	Thái	KV-ĐBK	70%	Từ kỳ I, 2016-2017 đến hết khóa học	Mường Tè	Mường Tè	Lai Châu	CNTY
57	DTN1453050174	Hoàng Thị	Tùng	16/10/1994	Thú y K46N03	Mông	KV-ĐBK	70%	Từ kỳ I, 2016-2017 đến hết khóa học	Sinh Long	Na Hang	Tuyên Quang	CNTY
58	DTN1453050198	Triệu Thị	Chí	19/08/1996	Thú y K46N03	Nùng	KV-ĐBK	70%	Từ kỳ I, 2016-2017 đến hết khóa học	Đại An	Văn Quan	Lạng Sơn	CNTY
59	DTN1553050289	Dương Thị	Xoan	10/10/1997	Thú y K47 N01	Dao	KV-ĐBK	70%	Từ kỳ I, 2016-2017 đến hết khóa học	Thượng Hà	Bảo Yên	Lào Cai	CNTY
60	DTN1553050207	Đặng Hương	Quỳnh	02/06/1997	Thú y K47 N01	CaoLan	KV-ĐBK	70%	Từ kỳ I, 2016-2017 đến hết khóa học	Phương Giao	Võ Nai	Thái Nguyên	CNTY
61	DTN1553050272	Long Cẩm	Tú	13/05/1997	Thú y K47 N02	Nùng	KV-ĐBK	70%	Từ kỳ I, 2016-2017 đến hết khóa học	Hồng Việt	Hoà An	Cao Bằng	CNTY
62	DTN1553050279	Hoàng Văn	Tuyên	08/03/1997	Thú y K47 N02	Tày	KV-ĐBK	70%	Từ kỳ I, 2016-2017 đến hết khóa học	Mường Lai	Lục Yên	Yên Bái	CNTY
63	DTN1553050131	Chung Thị	Lan	12/01/1997	Thú y K47 N02	Nùng	KV-ĐBK	70%	Từ kỳ I, 2016-2017 đến hết khóa học	Trung Phúc	Trùng Khánh	Cao Bằng	CNTY
64	DTN1553050299	Lò Thị	Say	15/10/1997	Thú y K47 N02	Thái	KV-ĐBK	70%	Từ kỳ I, 2016-2017 đến hết khóa học	Pha Mu	Than Uyên	Lai Châu	CNTY
65	DTN15530A0171	Đào Tú	Tài	08/03/1995	Thú y K47 N03	Mông	KV-ĐBK	70%	Từ kỳ I, 2016-2017 đến hết khóa học	Phổ Là	Đồng Văn	Hà Giang	CNTY
66	DTN1553050239	Lương Thị Minh	Thuận	20/05/1997	Thú y K47 N03	Tày	KV-ĐBK	70%	Từ kỳ I, 2016-2017 đến hết khóa học	Phan Thanh	Lục Yên	Yên Bái	CNTY
67	DTN1553050134	Trần Quang	Linh	27/07/1997	Thú y K47 N03	Tày	KV-ĐBK	70%	Từ kỳ I, 2016-2017 đến hết khóa học	Phủ Lý	Phủ Lương	Thái Nguyên	CNTY
68	DTN1553050152	Ma Thị	Ly	16/02/1997	Thú y K47 N03	Tày	KV-ĐBK	70%	Từ kỳ I, 2016-2017 đến hết khóa học	Hợp Thành	Phủ Lương	Thái Nguyên	CNTY
69	DTN1553050181	Hoàng Thị	Nhị	10/12/1997	Thú y K47 N03	Tày	KV-ĐBK	70%	Từ kỳ I, 2016-2017 đến hết khóa học	Quảng Nguyên	Xín Mần	Hà Giang	CNTY
70	DTN1553050117	Ngọc Thị Thanh	Huyền	14/01/1997	Thú y K47 N03	Mường	KV-ĐBK	70%	Từ kỳ I, 2016-2017 đến hết khóa học	Thượng Long	Yên Lập	Phủ Thọ	CNTY
71	DTN1553050294	Nông Minh	Đức	18/04/1996	Thú y K47 N04	Tày	KV-ĐBK	70%	Từ kỳ I, 2016-2017 đến hết khóa học	Quý Quân	Hà Quảng	Cao Bằng	CNTY
72	DTN1554110108	Bùi Thị Vân	Anh	06/08/1997	Thú y K47 N04	Nùng	KV-ĐBK	70%	Từ kỳ I, 2016-2017 đến hết khóa học	Thụy Hùng	Thạch An	Cao Bằng	CNTY
73	DTN1553050041	Hứa Thị	Điểm	06/06/1997	Thú y K47 N04	Tày	KV-ĐBK	70%	Từ kỳ I, 2016-2017 đến hết khóa học	Đình Phong	Trùng Khánh	Cao Bằng	CNTY
74	DTN1553050178	Hà Yến	Nhi	19/05/1997	Thú y K47 N04	Nùng	KV-ĐBK	70%	Từ kỳ I, 2016-2017 đến hết khóa học	Lăng Yên	Trùng Khánh	Cao Bằng	CNTY
75	DTN1553050002	Hoàng Việt	Anh	10/12/1995	Thú y K47 N04	Tày	KV-ĐBK	70%	Từ kỳ I, 2016-2017 đến hết khóa học	Khánh Khê	Văn Quan	Lạng Sơn	CNTY
76	DTN1353080033	Đàm Văn	Dự	27/01/1994	Khuyến nông 1 K45	Nùng	KV-ĐBK	70%	Từ kỳ I, 2016-2017 đến hết khóa học	Thụy Hùng	Thạch An	Cao Bằng	KT&PTNT

77	DTN1353080031	Hoàng Công	Chức	01/12/1995	Khuyến nông 1 K45	Nùng	KV-ĐBKK	70%	Từ kỳ I, 2016-2017 đến hết khóa học	Chi Phương	Tràng Định	Lạng Sơn	KT&PTNT
78	DTN1353080024	Lường Văn	Hồ	25/10/1994	Khuyến nông 1 K45	Tày	KV-ĐBKK	70%	Từ kỳ I, 2016-2017 đến hết khóa học	Cổ Linh	Pác Nặm	Bắc Cạn	KT&PTNT
79	DTN1353080021	Giàng Mí	Chính	14/12/1994	Khuyến nông 1 K45	Mông	KV-ĐBKK	70%	Từ kỳ I, 2016-2017 đến hết khóa học	TT Phó Bảng	Đồng Văn	Hà Giang	KT&PTNT
80	DTN1353080041	Dương Thời	Khách	10/06/1995	Khuyến nông 1 K45	Tày	KV-ĐBKK	70%	Từ kỳ I, 2016-2017 đến hết khóa học	Tân Hương	Bắc Sơn	Lạng Sơn	KT&PTNT
81	DTN1353080010	Mạ Quốc	Tấn	15/10/1995	Khuyến nông 1 K45	Tày	KV-ĐBKK	70%	Từ kỳ I, 2016-2017 đến hết khóa học	Lục Hồn	Bình Liêu	Quảng Ninh	KT&PTNT
82	DTN1353080042	Hoàng Quốc	Khánh	02/10/1995	Khuyến nông 1 K45	Tày	KV-ĐBKK	70%	Từ kỳ I, 2016-2017 đến hết khóa học	Hà Trì	Hoà An	Cao Bằng	KT&PTNT
83	DTN1353080070	Vương Thị	Xoan	17/02/1995	Khuyến nông 1 K45	Nùng	KV-ĐBKK	70%	Từ kỳ I, 2016-2017 đến hết khóa học	Tân Tác	Văn Lãng	Lạng Sơn	KT&PTNT
84	DTN1430A0211	Tòng Văn	Lắm	30/04/1994	Khuyến nông K46	Thái	KV-ĐBKK	70%	Từ kỳ I, 2016-2017 đến hết khóa học	Tà Hừa	Than Uyên	Lai Châu	KT&PTNT
85	DTN1453080011	Long Thị	Phương	21/10/1996	Khuyến nông K46	Tày	KV-ĐBKK	70%	Từ kỳ I, 2016-2017 đến hết khóa học	Nghĩa Tá	Chợ Đồn	Bắc Cạn	KT&PTNT
86	DTN1453080023	Nông Thị	Huyền	12/06/1996	Khuyến nông K46	Tày	KV-ĐBKK	70%	Từ kỳ I, 2016-2017 đến hết khóa học	Tam Kim	Nguyễn Bình	Cao Bằng	KT&PTNT
87	DTN1453080010	Bùi Văn	Phong	24/04/1995	Khuyến nông K46	Mường	KV-ĐBKK	70%	Từ kỳ I, 2016-2017 đến hết khóa học	Tử Nê	Tân Lạc	Hòa Bình	KT&PTNT
88	DTN1453080026	Hoàng thu	Trang	15/08/1995	Khuyến nông K46	Nùng	KV-ĐBKK	70%	Từ kỳ I, 2016-2017 đến hết khóa học	Đề Thám	Tràng Định	Lạng Sơn	KT&PTNT
89	DTN1553080006	Triệu Quý	Phong	03/05/1997	Khuyến nông K47	Dao	KV-ĐBKK	70%	Từ kỳ I, 2016-2017 đến hết khóa học	Phúc Lợi	Lục Yên	Yên Bái	KT&PTNT
90	DTN1553140002	Vi Thị Diễm	Thương	08/08/1997	Khuyến nông K47	CaoLan	KV-ĐBKK	70%	Từ kỳ I, 2016-2017 đến hết khóa học	Kim Phú	Yên Sơn	Tuyên Quang	KT&PTNT
91	DTN1354110188	Tải Ngọc	Hưng	25/11/1995	Kinh tế nông nghiệp 3 K45	Nùng	KV-ĐBKK	70%	Từ kỳ I, 2016-2017 đến hết khóa học	Pổ Lồ	Hoàng Su Phì	Hà Giang	KT&PTNT
92	DTN1353160052	Bế Văn	Ngay	28/10/1993	Kinh tế nông nghiệp 3 K45	Tày	KV-ĐBKK	70%	Từ kỳ I, 2016-2017 đến hết khóa học	Bính Xá	Đình Lập	Lạng Sơn	KT&PTNT
93	DTN1354110218	Trần Thị Thu	Ngà	28/09/1994	Kinh tế nông nghiệp 3 K45	Tày	KV-ĐBKK	70%	Từ kỳ I, 2016-2017 đến hết khóa học	TT. Thông Nông	Thông Nông	Cao Bằng	KT&PTNT
94	DTN1354110274	Hoàng Khánh	Vĩnh	18/09/1995	Kinh tế nông nghiệp 3 K45	Tày	KV-ĐBKK	70%	Từ kỳ I, 2016-2017 đến hết khóa học	Lương Can	Thông Nông	Cao Bằng	KT&PTNT
95	DTN1354110110	Sùng A	Hồng	09/09/1993	Kinh tế nông nghiệp 4 K45	Mông	KV-ĐBKK	70%	Từ kỳ I, 2016-2017 đến hết khóa học	Khao Mang	Mù Cang Chải	Yên Bái	KT&PTNT
96	DTN1354110080	Dương Thị Bích	Huệ	05/01/1994	Kinh tế nông nghiệp 4 K45	Tày	KV-ĐBKK	70%	Từ kỳ I, 2016-2017 đến hết khóa học	Phù Ngọc	Hà Quảng	Cao Bằng	KT&PTNT
97	DTN1354110084	Nông Tri	Phương	03/01/1992	Kinh tế nông nghiệp 4 K45	Tày	KV-ĐBKK	70%	Từ kỳ I, 2016-2017 đến hết khóa học	TT. Xuân Hòa	Hà Quảng	Cao Bằng	KT&PTNT
98	DTN1353140005	Nông Hà Minh	Hiếu	27/11/1994	Kinh tế nông nghiệp 4 K45	Tày	KV-ĐBKK	70%	Từ kỳ I, 2016-2017 đến hết khóa học	Cần Yên	Thông Nông	Cao Bằng	KT&PTNT
99	DTN1354110068	Dương Tuấn	Anh	25/06/1994	Kinh tế nông nghiệp 4 K45	Tày	KV-ĐBKK	70%	Từ kỳ I, 2016-2017 đến hết khóa học	Pác Miều	Bảo Lâm	Cao Bằng	KT&PTNT
100	DTN1354110113	Dương Minh	Ngọc	09/12/1994	Kinh tế nông nghiệp 4 K45	Tày	KV-ĐBKK	70%	Từ kỳ I, 2016-2017 đến hết khóa học	Khang Ninh	Ba Bể	Bắc Cạn	KT&PTNT
101	DTN1354110095	Phùng Quang	Chiều	10/04/1994	Kinh tế nông nghiệp 4 K45	Nùng	KV-ĐBKK	70%	Từ kỳ I, 2016-2017 đến hết khóa học	Quang Long	Hạ Lang	Cao Bằng	KT&PTNT
102	DTN1354110069	Nguyễn Thanh	Ba	03/01/1994	Kinh tế nông nghiệp 4 K45	Tày	KV-ĐBKK	70%	Từ kỳ I, 2016-2017 đến hết khóa học	Đa Thông	Thông Nông	Cao Bằng	KT&PTNT
103	DTN1430A0198	Lèng Ỡ	Khen	17/03/1994	Kinh tế nông nghiệp K46N01	Nùng	KV-ĐBKK	70%	Từ kỳ I, 2016-2017 đến hết khóa học	Bản Mế	Si Ma Cai	Lào Cai	KT&PTNT
104	DTN1430A0382	Hoàng Văn	Thơi	04/05/1995	Kinh tế nông nghiệp K46N01	Tày	KV-ĐBKK	70%	Từ kỳ I, 2016-2017 đến hết khóa học	Mông An	Bình Gia	Lạng Sơn	KT&PTNT
105	DTN1430A0301	Lý Thị	Phân	23/08/1993	Kinh tế nông nghiệp K46N01	Hán	KV-ĐBKK	70%	Từ kỳ I, 2016-2017 đến hết khóa học	Phổ Bảng	Đồng Văn	Hà Giang	KT&PTNT
106	DTN1354110102	Lý Ngọc	Sơn	05/09/1994	Kinh tế nông nghiệp K46N01	Dao	KV-ĐBKK	70%	Từ kỳ I, 2016-2017 đến hết khóa học	Nam Sơn	Hoàng Su Phì	Hà Giang	KT&PTNT

107	DTN1430A0380	Vi Thị	Thịnh	03/09/1995	Kinh tế nông nghiệp K46N01	Tày	KV-ĐBKK	70%	Từ kỳ I, 2016-2017 đến hết khóa học	Khuôn Hà	Lâm Bình	Tuyên Quang	KT&PTNT
108	DTN1430A0364	Lục Văn	Thành	15/10/1995	Kinh tế nông nghiệp K46N01	Dáy	KV-ĐBKK	70%	Từ kỳ I, 2016-2017 đến hết khóa học	Lùng Vai	Mường Khương	Lào Cai	KT&PTNT
109	DTN1354110129	Mạc Văn	Thạch	23/03/1993	Kinh tế nông nghiệp K46N01	Thái	KV-ĐBKK	70%	Từ kỳ I, 2016-2017 đến hết khóa học	Trung Tiến	Quan Sơn	Thanh Hóa	KT&PTNT
110	DTN1453T0001	Nguyễn Quỳnh	Anh	05/02/1996	Kinh tế nông nghiệp K46N01	Tày	KV-ĐBKK	70%	Từ kỳ I, 2016-2017 đến hết khóa học	Hợp Hòa	Sơn Dương	Tuyên Quang	KT&PTNT
111	DTN1354110085	Vương Văn	Quang	08/10/1993	Kinh tế nông nghiệp K46N01	Nùng	KV-ĐBKK	70%	Từ kỳ I, 2016-2017 đến hết khóa học	Ngọc Động	Thông Nông	Cao Bằng	KT&PTNT
112	DTN1430A0305	Trương Vi	Phú	01/12/1995	Kinh tế nông nghiệp K46N01	Nùng	KV-ĐBKK	70%	Từ kỳ I, 2016-2017 đến hết khóa học	Bình Lãng	Thông Nông	Cao Bằng	KT&PTNT
113	DTN1453T0011	Nông Thị Thu	Hà	10/12/1996	Kinh tế nông nghiệp K46N01	Nùng	KV-ĐBKK	70%	Từ kỳ I, 2016-2017 đến hết khóa học	Cô Mươi	Trà Lĩnh	Cao Bằng	KT&PTNT
114	DTN1430A0209	Lò Văn	Lả	02/08/1993	Kinh tế nông nghiệp K46N01	Thái	KV-ĐBKK	70%	Từ kỳ I, 2016-2017 đến hết khóa học	Ảng Càng	Tuần Giáo	Lai Châu	KT&PTNT
115	DTN1453T0008	Vàng văn	Đơn	09/10/1992	Kinh tế nông nghiệp K46N01	Tày	KV-ĐBKK	70%	Từ kỳ I, 2016-2017 đến hết khóa học	Bản Ngò	Xín Mần	Hà Giang	KT&PTNT
116	DTN1430A0171	Hoàng Văn	Hòe	07/03/1994	Kinh tế nông nghiệp K46N01	Tày	KV-ĐBKK	70%	Từ kỳ I, 2016-2017 đến hết khóa học	Nà Chì	Xín Mần	Hà Giang	KT&PTNT
117	DTN1430A0460	Nguyễn Văn	Tượng	08/02/1994	Kinh tế nông nghiệp K46N01	Tày	KV-ĐBKK	70%	Từ kỳ I, 2016-2017 đến hết khóa học	TT Yên Minh	Yên Minh	Hà Giang	KT&PTNT
118	DTN1354110094	Nông Đức	Trọng	28/10/1994	Kinh tế nông nghiệp K46N01	Tày	KV-ĐBKK	70%	Từ kỳ I, 2016-2017 đến hết khóa học	Pác Miều	Bảo Lâm	Cao Bằng	KT&PTNT
119	DTN1430A0473	Điền Thị	Việt	09/06/1995	Kinh tế nông nghiệp K46N01	Thái	KV-ĐBKK	70%	Từ kỳ I, 2016-2017 đến hết khóa học	Nậm Hàng	Nậm Nhùn	Lai Châu	KT&PTNT
120	DTN1454110030	Mùa A	Thông	01/11/1996	Kinh tế nông nghiệp K46N02	HMông	KV-ĐBKK	70%	Từ kỳ I, 2016-2017 đến hết khóa học	Mỏ Đè	Mù Cang Chải	Yên Bái	KT&PTNT
121	DTN1354110078	Bế Hoàng	Hạnh	16/10/1993	Kinh tế nông nghiệp K46N02	Tày	KV-ĐBKK	70%	Từ kỳ I, 2016-2017 đến hết khóa học	Khang Ninh	Ba Bể	Bắc Cạn	KT&PTNT
122	DTN15530A0101	Cà Thị	Son	18/09/1996	Kinh tế nông nghiệp K47 N01	Tày	KV-ĐBKK	70%	Từ kỳ I, 2016-2017 đến hết khóa học	Thượng Giáo	Ba Bể	Bắc Cạn	KT&PTNT
123	DTN1554110061	Chảo Láo	Tả	27/02/1997	Kinh tế nông nghiệp K47 N01	Dao	KV-ĐBKK	70%	Từ kỳ I, 2016-2017 đến hết khóa học	Bản Xèo	Bát Xát	Lào Cai	KT&PTNT
124	DTN1554110079	Vù A	Tùng	15/02/1995	Kinh tế nông nghiệp K47 N01	Mông	KV-ĐBKK	70%	Từ kỳ I, 2016-2017 đến hết khóa học	Trịnh Tường	Bát Xát	Lào Cai	KT&PTNT
125	DTN1554110019	Trương Thị	Hiên	16/08/1997	Kinh tế nông nghiệp K47 N01	Tày	KV-ĐBKK	70%	Từ kỳ I, 2016-2017 đến hết khóa học	Tụ Nhân	Hoàng Su Phì	Hà Giang	KT&PTNT
126	DTN1554110085	Thiều Thị	Liễu	17/01/1997	Kinh tế nông nghiệp K47 N01	Dao	KV-ĐBKK	70%	Từ kỳ I, 2016-2017 đến hết khóa học	Phúc Lợi	Lục Yên	Yên Bái	KT&PTNT
127	DTN1554110058	Tẩn A	Sơn	02/08/1996	Kinh tế nông nghiệp K47 N01	Dao	KV-ĐBKK	70%	Từ kỳ I, 2016-2017 đến hết khóa học	Phăng Sô Lin	Sìn Hồ	Lai Châu	KT&PTNT
128	DTN1554110129	Hoàng Thị	Thủy	15/02/1997	Kinh tế nông nghiệp K47 N01	Tày	KV-ĐBKK	70%	Từ kỳ I, 2016-2017 đến hết khóa học	Tràng Định	Văn Quan	Lạng Sơn	KT&PTNT
129	DTN15530A0086	Lý Thị	Nương	02/07/1996	Kinh tế nông nghiệp K47 N01	Tày	KV-ĐBKK	70%	Từ kỳ I, 2016-2017 đến hết khóa học	Cao Tân	Pác Nặm	Bắc Cạn	KT&PTNT
130	DTN1554110036	Lềng Thúy	Lợi	22/10/1997	Kinh tế nông nghiệp K47 N01	Tày	KV-ĐBKK	70%	Từ kỳ I, 2016-2017 đến hết khóa học	Tân Nam	Quang Bình	Hà Giang	KT&PTNT
131	DTN1554110046	Lường Văn	Nhường	10/02/1997	Kinh tế nông nghiệp K47 N01	Thái	KV-ĐBKK	70%	Từ kỳ I, 2016-2017 đến hết khóa học	Mường Luân	Huyện Điện Biên Đông	Điện biên	KT&PTNT
132	DTN1554110059	Giàng Thị	Sửa	06/06/1997	Kinh tế nông nghiệp K47 N02	Mông	KV-ĐBKK	70%	Từ kỳ I, 2016-2017 đến hết khóa học	Nàn Sán	Si Ma Cai	Lào Cai	KT&PTNT
133	DTN1554110075	Hoàng Thị Thu	Trang	27/05/1997	Kinh tế nông nghiệp K47 N02	Tày	KV-ĐBKK	70%	Từ kỳ I, 2016-2017 đến hết khóa học	Khang Ninh	Ba Bể	Bắc Cạn	KT&PTNT
134	DTN15530A0124	Trương Thị	Trang	22/10/1996	Kinh tế nông nghiệp K47 N02	Nùng	KV-ĐBKK	70%	Từ kỳ I, 2016-2017 đến hết khóa học	Cao Trí	Ba Bể	Bắc Cạn	KT&PTNT
135	DTN1554110041	Hoàng Văn	Nghệ	06/08/1997	Kinh tế nông nghiệp K47 N02	Nùng	KV-ĐBKK	70%	Từ kỳ I, 2016-2017 đến hết khóa học	Quang Trung	Bình Gia	Lạng Sơn	KT&PTNT
136	DTN1554110077	Ma Thanh	Tùng	07/05/1997	Kinh tế nông nghiệp K47 N02	Tày	KV-ĐBKK	70%	Từ kỳ I, 2016-2017 đến hết khóa học	Khuôn Hà	Lâm Bình	Tuyên Quang	KT&PTNT

137	DTN15530A0094	Hoàng Thị Phương	16/02/1996	Kinh tế nông nghiệp K47 N02	Tày	KV-ĐBKK	70%	Từ kỳ I, 2016-2017 đến hết khóa học	Khuôn Hà	Lâm Bình	Tuyên Quang	KT&PTNT
138	DTN1554140009	Thào Dũa	11/07/1997	Kinh tế nông nghiệp K47 N02	Mông	KV-ĐBKK	70%	Từ kỳ I, 2016-2017 đến hết khóa học	Bản Lầu	Mường Khương	Lào Cai	KT&PTNT
139	DTN15530A0099	Ly Mí Say	20/03/1994	Kinh tế nông nghiệp K47 N02	Mông	KV-ĐBKK	70%	Từ kỳ I, 2016-2017 đến hết khóa học	Ngọc Long	Yên Minh	Hà Giang	KT&PTNT
140	DTN1354140122	Vương Thị Hường	14/08/1994	Phát triển nông thôn 2 K45	Nùng	KV-ĐBKK	70%	Từ kỳ I, 2016-2017 đến hết khóa học	Cao Trí	Ba Bể	Bắc Cạn	KT&PTNT
141	DTN1354140095	Bàn Văn Tỉnh	05/07/1992	Phát triển nông thôn 2 K45	Dao	KV-ĐBKK	70%	Từ kỳ I, 2016-2017 đến hết khóa học	Yến Dương	Ba Bể	Bắc Cạn	KT&PTNT
142	DTN1354140170	Nông Thị Trang	08/09/1995	Phát triển nông thôn 2 K45	Tày	KV-ĐBKK	70%	Từ kỳ I, 2016-2017 đến hết khóa học	Mỹ Phương	Ba Bể	Bắc Cạn	KT&PTNT
143	DTN1354140143	Triệu Thị Tuyết	13/06/1994	Phát triển nông thôn 2 K45	Dao	KV-ĐBKK	70%	Từ kỳ I, 2016-2017 đến hết khóa học	Thượng Giáo	Ba Bể	Bắc Cạn	KT&PTNT
144	DTN1354140119	Lương Văn Hà	18/12/1994	Phát triển nông thôn 2 K45	Nùng	KV-ĐBKK	70%	Từ kỳ I, 2016-2017 đến hết khóa học	Xuân Trường	Bảo Lạc	Cao Bằng	KT&PTNT
145	DTN1354140094	Hoàng Thị Tiềm	29/11/1994	Phát triển nông thôn 2 K45	Tày	KV-ĐBKK	70%	Từ kỳ I, 2016-2017 đến hết khóa học	Kim Cúc	Bảo Lạc	Cao Bằng	KT&PTNT
146	DTN1353090001	Đặng Thị Đào	26/12/1993	Phát triển nông thôn 2 K45	Dao	KV-ĐBKK	70%	Từ kỳ I, 2016-2017 đến hết khóa học	Cao Kỳ	Chợ Mới	Bắc Cạn	KT&PTNT
147	DTN1354140103	Hoàng Thị Hường	17/04/1994	Phát triển nông thôn 2 K45	Tày	KV-ĐBKK	70%	Từ kỳ I, 2016-2017 đến hết khóa học	TT. Xuân Hòa	Hà Quảng	Cao Bằng	KT&PTNT
148	DTN1354140200	Nông Hà Khuyên	04/10/1994	Phát triển nông thôn 2 K45	Tày	KV-ĐBKK	70%	Từ kỳ I, 2016-2017 đến hết khóa học	Thượng Quan	Ngân Sơn	Bắc Cạn	KT&PTNT
149	DTN1354140109	Chèo A Phàn	15/09/1993	Phát triển nông thôn 2 K45	Dao	KV-ĐBKK	70%	Từ kỳ I, 2016-2017 đến hết khóa học	Phăng Sô Lin	Sìn Hồ	Lai Châu	KT&PTNT
150	DTN1354140205	Hoàng Thị Thương	12/01/1995	Phát triển nông thôn 2 K45	Nùng	KV-ĐBKK	70%	Từ kỳ I, 2016-2017 đến hết khóa học	Đức Long	Thạch An	Cao Bằng	KT&PTNT
151	DTN1354140129	Vi Thị Nga My	27/02/1994	Phát triển nông thôn 2 K45	Thái	KV-ĐBKK	70%	Từ kỳ I, 2016-2017 đến hết khóa học	Xuân Chinh	Thường Xuân	Thanh Hóa	KT&PTNT
152	DTN1354140201	Thang Văn Kiên	05/02/1989	Phát triển nông thôn 2 K45	Tày	KV-ĐBKK	70%	Từ kỳ I, 2016-2017 đến hết khóa học	Xuân Long	Yên Bình	Yên Bái	KT&PTNT
153	DTN1354140177	Lê Tiến Trung	27/04/1994	Phát triển nông thôn 2 K45	Tày	KV-ĐBKK	70%	Từ kỳ I, 2016-2017 đến hết khóa học	Pác Miếu	Bảo Lâm	Cao Bằng	KT&PTNT
154	DTN1354140187	Quách Thị Hạnh	08/08/1995	Phát triển nông thôn 2 K45	Tày	KV-ĐBKK	70%	Từ kỳ I, 2016-2017 đến hết khóa học	Bộc Bó	Pác Nặm	Bắc Cạn	KT&PTNT
155	DTN1430A0244	Giàng Tờ Lùng	13/11/1993	Phát triển nông thôn K46N01	Mông	KV-ĐBKK	70%	Từ kỳ I, 2016-2017 đến hết khóa học	Tùng Vải	Quản Bạ	Hà Giang	KT&PTNT
156	DTN1430A0298	Dương Văn Ớn	10/02/1994	Phát triển nông thôn K46N01	Tày	KV-ĐBKK	70%	Từ kỳ I, 2016-2017 đến hết khóa học	Yên Thổ	Bảo Lâm	Cao Bằng	KT&PTNT
157	DTN1430A0061	Hà Văn Công	28/03/1994	Phát triển nông thôn K46N01	Tày	KV-ĐBKK	70%	Từ kỳ I, 2016-2017 đến hết khóa học	Yến Dương	Ba Bể	Bắc Cạn	KT&PTNT
158	DTN1430A0119	Trần Ngọc Đức	13/12/1993	Phát triển nông thôn K46N01	Nùng	KV-ĐBKK	70%	Từ kỳ I, 2016-2017 đến hết khóa học	Cao Trí	Ba Bể	Bắc Cạn	KT&PTNT
159	DTN1430A0215	Sầm Thị Lan	14/01/1995	Phát triển nông thôn K46N01	Tày	KV-ĐBKK	70%	Từ kỳ I, 2016-2017 đến hết khóa học	Cao Thượng	Ba Bể	Bắc Cạn	KT&PTNT
160	DTN1430A0461	Vàng Xuân Tuyển	09/11/1992	Phát triển nông thôn K46N01	Nùng	KV-ĐBKK	70%	Từ kỳ I, 2016-2017 đến hết khóa học	Tà Chải	Bắc Hà	Lào Cai	KT&PTNT
161	DTN1430A0467	Vi Văn Vắn	01/09/1993	Phát triển nông thôn K46N01	Tày	KV-ĐBKK	70%	Từ kỳ I, 2016-2017 đến hết khóa học	Kiên Mộc	Đình Lập	Lạng Sơn	KT&PTNT
162	DTN1430A0110	Nguyễn Thế Điền	22/09/1995	Phát triển nông thôn K46N01	Tày	KV-ĐBKK	70%	Từ kỳ I, 2016-2017 đến hết khóa học	Phổ Cáo	Đồng Văn	Hà Giang	KT&PTNT
163	DTN1430A0160	Vương Thị Hòa	24/08/1995	Phát triển nông thôn K46N01	Nùng	KV-ĐBKK	70%	Từ kỳ I, 2016-2017 đến hết khóa học	Tự Nhân	Hoàng Su Phì	Hà Giang	KT&PTNT
164	DTN1430A0433	Bùi Minh Tú	24/06/1995	Phát triển nông thôn K46N01	Mường	KV-ĐBKK	70%	Từ kỳ I, 2016-2017 đến hết khóa học	Vĩnh Tiến	Kim Bôi	Hòa Bình	KT&PTNT
165	DTN1430A0069	Hoàng Văn Cường	29/12/1995	Phát triển nông thôn K46N01	Tày	KV-ĐBKK	70%	Từ kỳ I, 2016-2017 đến hết khóa học	Khuôn Hà	Lâm Bình	Tuyên Quang	KT&PTNT
166	DTN1430A0486	Lý Thanh Xuân	15/11/1994	Phát triển nông thôn K46N01	Giáy	KV-ĐBKK	70%	Từ kỳ I, 2016-2017 đến hết khóa học	Nậm Ban	Mèo Vạc	Hà Giang	KT&PTNT

167	DTN1430A0239	Lò Văn Long	08/04/1995	Phát triển nông thôn K46N01	Thái	KV-ĐBKK	70%	Từ kỳ I, 2016-2017 đến hết khóa học	Mường Tè	Mường Tè	Lai Châu	KT&PTNT
168	DTN1430A0204	Chu Minh Kiềm	02/10/1995	Phát triển nông thôn K46N01	Tày	KV-ĐBKK	70%	Từ kỳ I, 2016-2017 đến hết khóa học	TT. Tam Sơn	Quản Bạ	Hà Giang	KT&PTNT
169	DTN1430A0445	Lệnh Anh Tuấn	29/08/1995	Phát triển nông thôn K46N01	Tày	KV-ĐBKK	70%	Từ kỳ I, 2016-2017 đến hết khóa học	Quản Bạ	Quản Bạ	Hà Giang	KT&PTNT
170	DTN1430A0096	Lò Văn Dươn	03/02/1995	Phát triển nông thôn K46N01	Thái	KV-ĐBKK	70%	Từ kỳ I, 2016-2017 đến hết khóa học	Nậm Tăm	Sìn Hồ	Lai Châu	KT&PTNT
171	DTN1430A0396	Hoàng Thị Thúy	29/03/1995	Phát triển nông thôn K46N01	Tày	KV-ĐBKK	70%	Từ kỳ I, 2016-2017 đến hết khóa học	Nà Chì	Xín Mần	Hà Giang	KT&PTNT
172	DTN1430A0360	Phan Văn Thắng	05/04/1994	Phát triển nông thôn K46N01	Thái	KV-ĐBKK	70%	Từ kỳ I, 2016-2017 đến hết khóa học	Mường Mô	Nậm Nhùn	Lai Châu	KT&PTNT
173	DTN1430A0287	Đặng Mùi Nhậy	26/06/1994	Phát triển nông thôn K46N01	Dao	KV-ĐBKK	70%	Từ kỳ I, 2016-2017 đến hết khóa học	Cổ Linh	Pác Nặm	Bắc Cạn	KT&PTNT
174	DTN1354140131	Hoàng Văn Ngọc	12/01/1994	Phát triển nông thôn K46N02	Tày	KV-ĐBKK	70%	Từ kỳ I, 2016-2017 đến hết khóa học	Cao Trĩ	Ba Bể	Bắc Cạn	KT&PTNT
175	DTN1454140003	Nguyễn Thị Ánh Biển	30/12/1996	Phát triển nông thôn K46N02	Tày	KV-ĐBKK	70%	Từ kỳ I, 2016-2017 đến hết khóa học	Đồng Thành	Bắc Quang	Hà Giang	KT&PTNT
176	DTN1454140036	Giàng A Sớ	03/02/1996	Phát triển nông thôn K46N02	HMông	KV-ĐBKK	70%	Từ kỳ I, 2016-2017 đến hết khóa học	Nà Hỳ	Nậm Pồ	Điện Biên	KT&PTNT
177	DTN1454140004	Giàng A Dế	21/05/1996	Phát triển nông thôn K46N02	Mông	KV-ĐBKK	70%	Từ kỳ I, 2016-2017 đến hết khóa học	Nậm Xây	Văn Bàn	Lào Cai	KT&PTNT
178	DTN1254140038	Hoàng Gia Lập	17/10/1993	Phát triển nông thôn K46N02	Nùng	KV-ĐBKK	70%	Từ kỳ I, 2016-2017 đến hết khóa học	Hồng Phong	Bình Gia	Lạng Sơn	KT&PTNT
179	DTN1454140027	Dương Chí Thuân	07/12/1996	Phát triển nông thôn K46N02	Tày	KV-ĐBKK	70%	Từ kỳ I, 2016-2017 đến hết khóa học	Quản Bạ	Quản Bạ	Hà Giang	KT&PTNT
180	DTN1454140043	Nông Thanh Xuân	03/05/1995	Phát triển nông thôn K46N02	Tày	KV-ĐBKK	70%	Từ kỳ I, 2016-2017 đến hết khóa học	Thái Cường	Thạch An	Cao Bằng	KT&PTNT
181	DTN1354140189	Anh Hoài Nam	22/07/1994	Phát triển nông thôn K46N02	Tày	KV-ĐBKK	70%	Từ kỳ I, 2016-2017 đến hết khóa học	TT. Pác Miầu	Bảo Lâm	Cao Bằng	KT&PTNT
182	DTN1354120498	Đinh Hải Dương	27/12/1993	Phát triển nông thôn K46N02	Tày	KV-ĐBKK	70%	Từ kỳ I, 2016-2017 đến hết khóa học	Mỹ Hưng	Phục Hoà	Cao Bằng	KT&PTNT
183	DTN1554140012	Nông Thị Việt Hà	10/08/1997	Phát triển nông thôn K47 N01	Dáy	KV-ĐBKK	70%	Từ kỳ I, 2016-2017 đến hết khóa học	Na Hối	Bắc Hà	Lào Cai	KT&PTNT
184	DTN1554140099	Hoàng Thị Loan	17/04/1997	Phát triển nông thôn K47 N01	Tày	KV-ĐBKK	70%	Từ kỳ I, 2016-2017 đến hết khóa học	Bằng Phúc	Chợ Đồn	Bắc Cạn	KT&PTNT
185	DTN1554140039	Hoàng Thị Phượng	30/07/1997	Phát triển nông thôn K47 N01	Mường	KV-ĐBKK	70%	Từ kỳ I, 2016-2017 đến hết khóa học	Yên Quang	Nho Quan	Ninh Bình	KT&PTNT
186	DTN1554140062	Nông Thị Yển	24/05/1997	Phát triển nông thôn K47 N01	Tày	KV-ĐBKK	70%	Từ kỳ I, 2016-2017 đến hết khóa học	Trung Phúc	Trùng Khánh	Cao Bằng	KT&PTNT
187	DTN15530A0038	Mào Thị Hằng	28/07/1994	Phát triển nông thôn K47 N01	Thái	KV-ĐBKK	70%	Từ kỳ I, 2016-2017 đến hết khóa học	Mường Mô	Nậm Nhùn	Lai Châu	KT&PTNT
188	DTN1554140026	Vàng Thị Hồng Liên	22/11/1997	Phát triển nông thôn K47 N02	Mông	KV-ĐBKK	70%	Từ kỳ I, 2016-2017 đến hết khóa học	Tả Ván	Quản Bạ	Hà Giang	KT&PTNT
189	DTN1554140057	Bùi Đức Trọng	08/10/1996	Phát triển nông thôn K47 N02	Tày	KV-ĐBKK	70%	Từ kỳ I, 2016-2017 đến hết khóa học	Phù Ngọc	Hà Quảng	Cao Bằng	KT&PTNT
190	DTN1554140050	Hoàng Thị Thêu	05/03/1997	Phát triển nông thôn K47 N02	Tày	KV-ĐBKK	70%	Từ kỳ I, 2016-2017 đến hết khóa học	Đức Long	Hoà An	Cao Bằng	KT&PTNT
191	DTN15530A0046	Đặng Thị Hồng	15/05/1996	Phát triển nông thôn K47 N02	Thái	KV-ĐBKK	70%	Từ kỳ I, 2016-2017 đến hết khóa học	Trí Nang	Lạng Chánh	Thanh Hóa	KT&PTNT
192	DTN15530A0144	Quảng Thị Nhân	12/03/1996	Phát triển nông thôn K47 N02	Thái	KV-ĐBKK	70%	Từ kỳ I, 2016-2017 đến hết khóa học	Mường Trai	Mường La	Sơn La	KT&PTNT
193	DTN1554140025	Hoàng Thị Thanh Lam	10/07/1997	Phát triển nông thôn K47 N02	Tày	KV-ĐBKK	70%	Từ kỳ I, 2016-2017 đến hết khóa học	Quang Phong	Na Rì	Bắc Cạn	KT&PTNT
194	DTN1554140040	Hoàng Đỗ Quỳnh	28/04/1997	Phát triển nông thôn K47 N02	Tày	KV-ĐBKK	70%	Từ kỳ I, 2016-2017 đến hết khóa học	Lam Sơn	Na Rì	Bắc Cạn	KT&PTNT
195	DTN1554140036	Hoàng Thị Hồng Nhung	26/02/1997	Phát triển nông thôn K47 N02	Tày	KV-ĐBKK	70%	Từ kỳ I, 2016-2017 đến hết khóa học	Lăng Ngâm	Ngân Sơn	Bắc Cạn	KT&PTNT
196	DTN15530A0069	Tô Hải Ly	01/02/1996	Phát triển nông thôn K47 N02	Tày	KV-ĐBKK	70%	Từ kỳ I, 2016-2017 đến hết khóa học	Cần Yên	Thông Nông	Cao Bằng	KT&PTNT

197	DTN1554140011	Nông Hồng Gấm	02/12/1997	Phát triển nông thôn K47 N02	Tày	KV-ĐBKK	70%	Từ kỳ I, 2016-2017 đến hết khóa học	Quang Trung	Trà Lĩnh	Cao Bằng	KT&PTNT
198	DTN1554140059	Quan Thị Viện	19/01/1997	Phát triển nông thôn K47 N02	Tày	KV-ĐBKK	70%	Từ kỳ I, 2016-2017 đến hết khóa học	Ngọc Minh	Vị Xuyên	Hà Giang	KT&PTNT
199	DTN15530A0148	Cà Thị Nguyễn	06/10/1996	Phát triển nông thôn K47 N02	Thái	KV-ĐBKK	70%	Từ kỳ I, 2016-2017 đến hết khóa học	Chiềng Hoa	Mường La	Sơn La	KT&PTNT
200	DTN1554140029	Lò Thị Mai	14/09/1997	Phát triển nông thôn K47 N02	Thái	KV-ĐBKK	70%	Từ kỳ I, 2016-2017 đến hết khóa học	Thân Thuộc	Tân Uyên	Lai Châu	KT&PTNT
201	DTN1353060065	Bế Thị Thuý Thập	16/04/1995	Lâm nghiệp 45N01	Tày	KV-ĐBKK	70%	Từ kỳ I, 2016-2017 đến hết khóa học	Lương Bằng	Chợ Đồn	Bắc Cạn	LN
202	DTN1353060210	Lý Thị Thuyền	08/03/1994	Lâm nghiệp 45N01	Tày	KV-ĐBKK	70%	Từ kỳ I, 2016-2017 đến hết khóa học	Phượng Viên	Chợ Đồn	Bắc Cạn	LN
203	DTN1353060083	Nguyễn Thị Hải Yến	18/09/1995	Lâm nghiệp 45N01	Tày	KV-ĐBKK	70%	Từ kỳ I, 2016-2017 đến hết khóa học	Yên Nhuận	Chợ Đồn	Bắc Cạn	LN
204	DTN1353060193	Hà Thị Ái Như	20/11/1994	Lâm nghiệp 45N01	Tày	KV-ĐBKK	70%	Từ kỳ I, 2016-2017 đến hết khóa học	Thanh Vận	Chợ Mới	Bắc Cạn	LN
205	DTN1353060055	Nông Thị Nhi	10/03/1995	Lâm nghiệp 45N01	Nùng	KV-ĐBKK	70%	Từ kỳ I, 2016-2017 đến hết khóa học	Nguyễn Huệ	Hoà An	Cao Bằng	LN
206	DTN1353060151	Châu Văn Sang	10/07/1995	Lâm nghiệp 45N01	Tày	KV-ĐBKK	70%	Từ kỳ I, 2016-2017 đến hết khóa học	Khuôn Hà	Lâm Bình	Tuyên Quang	LN
207	DTN1353110280	Nguyễn Duy Tuấn	14/02/1991	Lâm nghiệp 45N01	Tày	KV-ĐBKK	70%	Từ kỳ I, 2016-2017 đến hết khóa học	Hữu Thác	Na Rì	Bắc Cạn	LN
208	DTN1353060056	Pờ Thị Nhung	20/09/1995	Lâm nghiệp 45N01	Thái	KV-ĐBKK	70%	Từ kỳ I, 2016-2017 đến hết khóa học	Hoang Thèn	Phong Thổ	Lai Châu	LN
209	DTN1353060023	Trần Văn Đức	29/08/1994	Lâm nghiệp 45N01	San Chí	KV-ĐBKK	70%	Từ kỳ I, 2016-2017 đến hết khóa học	Yên Ninh	Phú Lương	Thái Nguyên	LN
210	DTN1353060066	Nguyễn Chí Thức	21/05/1994	Lâm nghiệp 45N02	Tày	KV-ĐBKK	70%	Từ kỳ I, 2016-2017 đến hết khóa học	Lam Vỹ	Định Hóa	Thái Nguyên	LN
211	DTN1353060123	Thắm Đức Thuận	16/01/1994	Lâm nghiệp 45N02	Tày	KV-ĐBKK	70%	Từ kỳ I, 2016-2017 đến hết khóa học	Thắng Lợi	Hạ Lang	Cao Bằng	LN
212	DTN1353060099	Lê Anh Tuấn	09/02/1994	Lâm nghiệp 45N02	Thái	KV-ĐBKK	70%	Từ kỳ I, 2016-2017 đến hết khóa học	Giao Thiện	Lạng Chanh	Thanh Hóa	LN
213	DTN1353060234	Giàng Văn Tiến	03/01/1995	Lâm nghiệp 45N02	Mông	KV-ĐBKK	70%	Từ kỳ I, 2016-2017 đến hết khóa học	Bạch Ngọc	Vị Xuyên	Hà Giang	LN
214	DTN1353060134	Nông Thị Trang	25/01/1994	Lâm nghiệp 45N02	Tày	KV-ĐBKK	70%	Từ kỳ I, 2016-2017 đến hết khóa học	Thái Sơn	Bảo Lâm	Cao Bằng	LN
215	DTN1353060129	Lò Văn Trợ	09/06/1994	Lâm nghiệp 45N02	Thái	KV-ĐBKK	70%	Từ kỳ I, 2016-2017 đến hết khóa học	Tà Hừa	Than Uyên	Lai Châu	LN
216	DTN1430A0025	Lý Văn Bính	10/10/1991	Lâm nghiệp K46N01	Tày	KV-ĐBKK	70%	Từ kỳ I, 2016-2017 đến hết khóa học	Chu Hương	Ba Bể	Bắc Cạn	LN
217	DTN1453060066	Hoàng Minh Hiếu	12/07/1996	Lâm nghiệp K46N01	Tày	KV-ĐBKK	70%	Từ kỳ I, 2016-2017 đến hết khóa học	Tú Trí	Bạch Thông	Bắc Cạn	LN
218	DTN1453060075	Nguyễn Thị Mới	18/11/1996	Lâm nghiệp K46N01	Tày	KV-ĐBKK	70%	Từ kỳ I, 2016-2017 đến hết khóa học	Xuân Thượng	Bảo Yên	Lào Cai	LN
219	DTN1453060070	Nông Văn Tâm	19/03/1996	Lâm nghiệp K46N01	Tày	KV-ĐBKK	70%	Từ kỳ I, 2016-2017 đến hết khóa học	Phong Dụ	Mèo Vạc	Hà Giang	LN
220	DTN1430A0143	Hà Văn Hành	16/08/1993	Lâm nghiệp K46N01	Thái	KV-ĐBKK	70%	Từ kỳ I, 2016-2017 đến hết khóa học	Quang Chiêu	Mường Lát	Thanh Hóa	LN
221	DTN1353060174	Nguyễn Thị Hiền	28/02/1995	Lâm nghiệp K46N01	Tày	KV-ĐBKK	70%	Từ kỳ I, 2016-2017 đến hết khóa học	Côn Lôn	Na Hang	Tuyên Quang	LN
222	DTN1353060176	Chu Ngọc Hiệp	19/02/1995	Lâm nghiệp K46N01	Tày	KV-ĐBKK	70%	Từ kỳ I, 2016-2017 đến hết khóa học	Thuần Mang	Ngân Sơn	Bắc Cạn	LN
223	DTN1453060031	Nông Thị Thê	20/12/1993	Lâm nghiệp K46N01	Tày	KV-ĐBKK	70%	Từ kỳ I, 2016-2017 đến hết khóa học	Cao Chương	Trà Lĩnh	Cao Bằng	LN
224	DTN1453060010	Hoàng Văn Hiếu	26/03/1996	Lâm nghiệp K46N01	Tày	KV-ĐBKK	70%	Từ kỳ I, 2016-2017 đến hết khóa học	Phú Thượng	Võ Nai	Thái Nguyên	LN
225	DTN1453060019	Nông Thị Hồng Lương	23/10/1996	Lâm nghiệp K46N01	Tày	KV-ĐBKK	70%	Từ kỳ I, 2016-2017 đến hết khóa học	Phú Thượng	Võ Nai	Thái Nguyên	LN
226	DTN1453060053	Quách Thị Hoa	27/06/1996	Lâm nghiệp K46N01	Tày	KV-ĐBKK	70%	Từ kỳ I, 2016-2017 đến hết khóa học	Bộc Bó	Pác Nặm	Bắc Cạn	LN

227	DTN1553060019	Nguyễn Minh Hiếu	31/08/1997	Lâm nghiệp K47	Kinh	TNLĐ	50%	Từ kỳ I, 2016-2017 đến hết khóa học	Tổ 5 - Tân Long	TPTN	Thái Nguyên	LN
228	DTN15530A0047	Hứa Thị Hợp	28/08/1996	Lâm nghiệp K47	Tày	KV-ĐBK	70%	Từ kỳ I, 2016-2017 đến hết khóa học	Khang Ninh	Ba Bể	Bắc Cạn	LN
229	DTN1553060021	Tô Thị Hòa	07/11/1997	Nông lâm kết hợp K47	Tày	KV-ĐBK	70%	Từ kỳ I, 2016-2017 đến hết khóa học	Cốc Phưởng - Phương Viên	Chợ Đồn	Bắc Cạn	LN
230	DTN1553060003	Vũ Tuấn Anh	07/07/1997	Lâm nghiệp K47	Tày	KV-ĐBK	70%	Từ kỳ I, 2016-2017 đến hết khóa học	Tân Dương	Định Hóa	Thái Nguyên	LN
231	DTN15530A0028	Hứa Văn Dũng	10/04/1996	Lâm nghiệp K47	Nùng	KV-ĐBK	70%	Từ kỳ I, 2016-2017 đến hết khóa học	TT. Xuân Hòa	Hà Quảng	Cao Bằng	LN
232	DTN1553160096	Trần Thị Lan	14/08/1997	Nông lâm kết hợp K47	Dao	KV-ĐBK	70%	Từ kỳ I, 2016-2017 đến hết khóa học	Tân Thành	Hàm yên	Tuyên Quang	LN
233	DTN15530A0005	Nguyễn Tuấn Bình	16/10/1996	Lâm nghiệp K47	Tày	KV-ĐBK	70%	Từ kỳ I, 2016-2017 đến hết khóa học	Lê Lai	Thạch An	Cao Bằng	LN
234	DTN1553060081	Đinh Thị Nết	29/11/1997	Nông lâm kết hợp K47	Tày	KV-ĐBK	70%	Từ kỳ I, 2016-2017 đến hết khóa học	Bản Viên - Đức Long	Thạch An	Cao Bằng	LN
235	DTN1553060013	Hoàng Văn Đại	26/01/1997	Nông lâm kết hợp K47	Tày	KV-ĐBK	70%	Từ kỳ I, 2016-2017 đến hết khóa học	Khuôn Lùng	Xín Mần	Hà Giang	LN
236	DTN1553060070	Tần Văn Linh	02/03/1997	Nông lâm kết hợp K47	Dao	KV-ĐBK	70%	Từ kỳ I, 2016-2017 đến hết khóa học	Du Già	Yên Minh	Hà Giang	LN
237	DTN1553060017	Quách Thanh Hải	29/08/1997	Lâm nghiệp K47	Tày	KV-ĐBK	70%	Từ kỳ I, 2016-2017 đến hết khóa học	Bộc Bó	Pác Nặm	Bắc Cạn	LN
238	DTN1353060189	Hà Văn Lâm	25/03/1995	Nông lâm kết hợp K45	Thái	KV-ĐBK	70%	Từ kỳ I, 2016-2017 đến hết khóa học	Nà Mèo	Mai Châu	Hòa Bình	LN
239	DTN1353060136	Nông Hoàng Vinh	28/08/1993	Nông lâm kết hợp K45	Tày	KV-ĐBK	70%	Từ kỳ I, 2016-2017 đến hết khóa học	TT. Thông Nông	Thông Nông	Cao Bằng	LN
240	DTN1430A0049	Quảng Văn Chính	20/08/1995	Nông lâm kết hợp K46	Thái	KV-ĐBK	70%	Từ kỳ I, 2016-2017 đến hết khóa học	Xa Dung	Huyện Điện Biên Đông	Điện biên	LN
241	DTN1353160190	Nông Đình Nghĩa	14/06/1995	Quản lý tài nguyên rừng 3 K45	Tày	KV-ĐBK	70%	Từ kỳ I, 2016-2017 đến hết khóa học	Bình Phú	Chiêm Hóa	Tuyên Quang	LN
242	DTN1354120441	Nông Đức Việt	11/04/1994	Quản lý tài nguyên rừng 3 K45	Nùng	KV-ĐBK	70%	Từ kỳ I, 2016-2017 đến hết khóa học	An Lạc	Hạ Lang	Cao Bằng	LN
243	DTN1353160133	Sùng A Chiêu	05/05/1994	Quản lý tài nguyên rừng 3 K45	HMông	KV-ĐBK	70%	Từ kỳ I, 2016-2017 đến hết khóa học	Lao Chải	Mù Cang Chải	Yên Bái	LN
244	DTN1353040002	Lưu Trung Anh	05/10/1994	Quản lý tài nguyên rừng 3 K45	Tày	KV-ĐBK	70%	Từ kỳ I, 2016-2017 đến hết khóa học	Yên Ninh	Phú Lương	Thái Nguyên	LN
245	DTN1353160146	Sùng A Sinh	15/06/1994	Quản lý tài nguyên rừng K46N01	HMông	KV-ĐBK	70%	Từ kỳ I, 2016-2017 đến hết khóa học	Hồ Bồn	Mù Cang Chải	Yên Bái	LN
246	DTN1430A0111	Vàng Văn Điện	06/02/1995	Quản lý tài nguyên rừng K46N01	Tày	KV-ĐBK	70%	Từ kỳ I, 2016-2017 đến hết khóa học	Na Hoi	Bắc Hà	Lào Cai	LN
247	DTN1430A0427	Vàng Văn Trung	12/06/1995	Quản lý tài nguyên rừng K46N01	Giáy	KV-ĐBK	70%	Từ kỳ I, 2016-2017 đến hết khóa học	Mường Hum	Bát Xát	Lào Cai	LN
248	DTN1430A0214	Chấu Phương Lan	18/12/1995	Quản lý tài nguyên rừng K46N01	Tày	KV-ĐBK	70%	Từ kỳ I, 2016-2017 đến hết khóa học	Khuôn Hà	Lâm Bình	Tuyên Quang	LN
249	DTN1430A0355	Chấu Văn Thái	05/08/1995	Quản lý tài nguyên rừng K46N01	Tày	KV-ĐBK	70%	Từ kỳ I, 2016-2017 đến hết khóa học	Khuôn Hà	Lâm Bình	Tuyên Quang	LN
250	DTN1430A0325	Lù Mạnh Quỳnh	09/08/1995	Quản lý tài nguyên rừng K46N01	Dáy	KV-ĐBK	70%	Từ kỳ I, 2016-2017 đến hết khóa học	Lùng Vai	Mường Khương	Lào Cai	LN
251	DTN1430A0153	Lương Trung Hiếu	15/03/1994	Quản lý tài nguyên rừng K46N01	Tày	KV-ĐBK	70%	Từ kỳ I, 2016-2017 đến hết khóa học	Thượng Nung	Võ Nai	Thái Nguyên	LN
252	DTN1430A0284	Triệu Văn Nhân	14/10/1995	Quản lý tài nguyên rừng K46N01	Nùng	KV-ĐBK	70%	Từ kỳ I, 2016-2017 đến hết khóa học	Thái Học	Bảo Lâm	Cao Bằng	LN
253	DTN1430A0411	Hoàng Minh Tới	10/03/1995	Quản lý tài nguyên rừng K46N01	Tày	KV-ĐBK	70%	Từ kỳ I, 2016-2017 đến hết khóa học	Vĩnh Quang	Bảo Lâm	Cao Bằng	LN
254	DTN1430A0409	Lường Văn Toàn	12/02/1994	Quản lý tài nguyên rừng K46N01	Thái	KV-ĐBK	70%	Từ kỳ I, 2016-2017 đến hết khóa học	Phúc Than	Than Uyên	Lai Châu	LN
255	DTN1353160132	Vi Triệu Hùng	16/09/1994	Quản lý tài nguyên rừng K46N02	Tày	KV-ĐBK	70%	Từ kỳ I, 2016-2017 đến hết khóa học	Khang Ninh	Ba Bể	Bắc Cạn	LN
256	DTN1353160100	Hà Văn Đoàn	25/01/1994	Quản lý tài nguyên rừng K46N02	Mường	KV-ĐBK	70%	Từ kỳ I, 2016-2017 đến hết khóa học	Giao Thiện	Lang Chánh	Thanh Hóa	LN

257	DTN1453160088	Nông Trọng Đạt	29/03/1995	Quản lý tài nguyên rừng K46N02	Tày	KV-ĐBK	70%	Từ kỳ I, 2016-2017 đến hết khóa học	Đa Thông	Thông Nông	Cao Bằng	LN
258	DTN1453T0034	Mạc Hà Thông	13/08/1993	Quản lý tài nguyên rừng K46N03	Nùng	KV-ĐBK	70%	Từ kỳ I, 2016-2017 đến hết khóa học	Lục Bình	Bạch Thông	Bắc Cạn	LN
259	DTN1353160110	Ninh Nông Huy	16/11/1994	Quản lý tài nguyên rừng K46N03	Tày	KV-ĐBK	70%	Từ kỳ I, 2016-2017 đến hết khóa học	Hồng Trị	Bảo Lạc	Cao Bằng	LN
260	DTN1553160058	Hứa Thị Hồng Vân	02/10/1997	Quản lý tài nguyên rừng K47 N01	Tày	KV-ĐBK	70%	Từ kỳ I, 2016-2017 đến hết khóa học	Trung Lương	Định Hóa	Thái Nguyên	LN
261	DTN15530A0018	Hoàng Thị Cúc	05/11/1995	Quản lý tài nguyên rừng K47 N01	Nùng	KV-ĐBK	70%	Từ kỳ I, 2016-2017 đến hết khóa học	Lũng Nặm	Hà Quảng	Cao Bằng	LN
262	DTN1553160040	Khoàng Lù Phạ	04/10/1997	Sinh thái và Bảo tồn đa dạng sinh học K47 N01	Hà nhì	KV-ĐBK	70%	Từ kỳ I, 2016-2017 đến hết khóa học	Ka Lăng	Mường Tè	Lai Châu	LN
263	DTN1553160014	Lường Văn Kim Đồng	27/10/1995	Quản lý tài nguyên rừng K47 N01	Thái	KV-ĐBK	70%	Từ kỳ I, 2016-2017 đến hết khóa học	TT Mường Tè	Mường Tè	Lai Châu	LN
264	DTN1553160018	Nguyễn Thị Hậu	09/07/1997	Quản lý tài nguyên rừng K47 N01	Tày	KV-ĐBK	70%	Từ kỳ I, 2016-2017 đến hết khóa học	Ân Tình	Na Rì	Bắc Cạn	LN
265	DTN1553160017	Lường Văn Hải	03/06/1997	Quản lý tài nguyên rừng K47 N01	Thái	KV-ĐBK	70%	Từ kỳ I, 2016-2017 đến hết khóa học	Pắc Ta	Tân Uyên	Lai Châu	LN
266	DTN1553160063	Vì Văn Ngoan	04/10/1997	Quản lý tài nguyên rừng K47 N01	Thái	KV-ĐBK	70%	Từ kỳ I, 2016-2017 đến hết khóa học	Nậm Cắn	Tân Uyên	Lai Châu	LN
267	DTN15530A0044	Bàn Văn Hoi	21/02/1995	Quản lý tài nguyên rừng K47 N01	Dao	KV-ĐBK	70%	Từ kỳ I, 2016-2017 đến hết khóa học	Xuân Sơn	Tân Sơn	Phú Thọ	LN
268	DTN1553160015	Nguyễn Hữu Đức	04/02/1997	Sinh thái và bảo tồn đa dạng sinh học K47 N01	Tày	KV-ĐBK	70%	Từ kỳ I, 2016-2017 đến hết khóa học	Trung Hội	TPTN	Thái Nguyên	LN
269	DTN15530A0189	Nông Thu Hằng	22/09/1995	Quản lý tài nguyên rừng K47 N01	Nùng	KV-ĐBK	70%	Từ kỳ I, 2016-2017 đến hết khóa học	TT. Pác Miều	Bảo Lâm	Cao Bằng	LN
270	DTN1553160041	Nông Thị Minh Phương	28/07/1997	Quản lý tài nguyên rừng K47 N01	Nùng	KV-ĐBK	70%	Từ kỳ I, 2016-2017 đến hết khóa học	Quảng Khê	Ba Bể	Bắc Cạn	LN
271	DTN15530A0097	Triệu Đào Quẩy	15/07/1996	Sinh thái và bảo tồn đa dạng sinh học K47 N02	Dao	KV-ĐBK	70%	Từ kỳ I, 2016-2017 đến hết khóa học	Phúc Yên	Lâm Bình	Tuyên Quang	LN
272	DTN1553160005	Hờ A Bình	02/02/1997	Sinh thái và bảo tồn đa dạng sinh học K47 N02	Mông	KV-ĐBK	70%	Từ kỳ I, 2016-2017 đến hết khóa học	Chế Cu Nha	Mù Cang Chải	Yên Bái	LN
273	DTN15530A0051	Hoàng Văn Hưng	11/09/1995	Quản lý tài nguyên rừng K47 N01	Giáy	KV-ĐBK	70%	Từ kỳ I, 2016-2017 đến hết khóa học	Đông Hà	Quản Bạ	Hà Giang	LN
274	DTN1553160056	Sinh Sín Tỷ	16/07/1996	Sinh thái và bảo tồn đa dạng sinh học K47 N02	Phu lá	KV-ĐBK	70%	Từ kỳ I, 2016-2017 đến hết khóa học	Vàng Đán	Nậm Pồ	Điện Biên	LN
275	DTN15530A0078	Hoàng Thị Ngoan	20/08/1996	Quản lý tài nguyên rừng K47 N01	Tày	KV-ĐBK	70%	Từ kỳ I, 2016-2017 đến hết khóa học	Giáo Hiệu	Pác Nặm	Bắc Cạn	LN
276	DTN1453160054	Nguyễn Mạnh Thắng	06/10/1996	Sinh thái và Bảo tồn Đa dạng sinh học K46	Tày	KV-ĐBK	70%	Từ kỳ I, 2016-2017 đến hết khóa học	Hợp Thành	Phú Lương	Thái Nguyên	LN
277	DTN1554290018	Phan Thị Lũy	23/10/1997	Khoa học môi trường K47	Tày	KV-ĐBK	70%	Từ kỳ I, 2016-2017 đến hết khóa học	Hương Sơn	Quang Bình	Hà Giang	MT
278	DTN15530A0173	Lý Thị Lim	08/05/1996	Khoa học môi trường K47	Tày	KV-ĐBK	70%	Từ kỳ I, 2016-2017 đến hết khóa học	Đồng Phúc	Ba Bể	Bắc Cạn	MT
279	DTN15530A0121	Đàm Thị Thư	15/08/1996	Khoa học môi trường K47	Tày	KV-ĐBK	70%	Từ kỳ I, 2016-2017 đến hết khóa học	Nam Mẫu	Ba Bể	Bắc Cạn	MT
280	DTN1553110071	Mai Chí Thanh	02/10/1997	Khoa học môi trường K47	Tày	KV-ĐBK	70%	Từ kỳ I, 2016-2017 đến hết khóa học	Trung Hội	Định Hóa	Thái Nguyên	MT
281	DTN1553110028	Ma Thị Phương Ly	11/09/1997	Khoa học môi trường K47	Tày	KV-ĐBK	70%	Từ kỳ I, 2016-2017 đến hết khóa học	Yên Trạch	Phú Lương	Thái Nguyên	MT
282	DTN1353110108	Hoàng Thu Hiền	28/08/1995	Khoa học môi trường 1 K45	Tày	KV-ĐBK	70%	Từ kỳ I, 2016-2017 đến hết khóa học	Tri Phương	Trà Lĩnh	Cao Bằng	MT
283	DTN1353110085	Nông Thị Hai	10/08/1995	Khoa học môi trường 3 K45	Tày	KV-ĐBK	70%	Từ kỳ I, 2016-2017 đến hết khóa học	Chè Phạ	Bình Liêu	Quảng Ninh	MT
284	DTN1353110021	Trần Thị Cẩm	17/07/1995	Khoa học môi trường 3 K45	Nùng	KV-ĐBK	70%	Từ kỳ I, 2016-2017 đến hết khóa học	Lục Ba	Đại Từ	Thái Nguyên	MT
285	DTN1353110153	Hà Thị Thu Huyền	05/01/1995	Khoa học môi trường 3 K45	Tày	KV-ĐBK	70%	Từ kỳ I, 2016-2017 đến hết khóa học	Cao Kỳ	Chợ Mới	Bắc Cạn	MT

286	DTN1353110192	Lý Văn	Nam	16/03/1995	Khoa học môi trường 3 K45	Nùng	KV-ĐBKK	70%	Từ kỳ I, 2016-2017 đến hết khóa học	Đoàn Kết	Tràng Định	Lạng Sơn	MT
287	DTN1353110325	Dương Thành	Đạt	30/01/1994	Khoa học môi trường 4 K45	Tày	KV-ĐBKK	70%	Từ kỳ I, 2016-2017 đến hết khóa học	Khang Ninh	Ba Bể	Bắc Cạn	MT
288	DTN1453110116	Bùi Thị Như	Quỳnh	26/12/1995	Khoa học môi trường K46N01	Mường	KV-ĐBKK	70%	Từ kỳ I, 2016-2017 đến hết khóa học	Cầm Phú	Cầm Thủy	Thanh Hóa	MT
289	DTN1453160100	Nông Thị Hồng	Ngọc	08/01/1996	Khoa học môi trường K46N01	Tày	KV-ĐBKK	70%	Từ kỳ I, 2016-2017 đến hết khóa học	Thanh Mai	Chợ Mới	Bắc Cạn	MT
290	DTN1453110062	Triệu Thị	Hương	30/10/1996	Khoa học môi trường K46N01	Tày	KV-ĐBKK	70%	Từ kỳ I, 2016-2017 đến hết khóa học	Yên Ninh	Phú Lương	Thái Nguyên	MT
291	DTN1453110123	Triệu Văn	Thức	21/08/1995	Khoa học môi trường K46N01	Dao	KV-ĐBKK	70%	Từ kỳ I, 2016-2017 đến hết khóa học	Yên Thành	Yên Bình	Yên Bái	MT
292	DTN1453110146	Lã Văn	Trung	09/05/1996	Khoa học môi trường K46N02	Tày	KV-ĐBKK	70%	Từ kỳ I, 2016-2017 đến hết khóa học	Yên Cường	Bắc Mê	Hà Giang	MT
293	DTN1453110044	Hoàng Thị	Hiển	09/03/1995	Khoa học môi trường K46N02	Tày	KV-ĐBKK	70%	Từ kỳ I, 2016-2017 đến hết khóa học	Lục Bình	Bạch Thông	Bắc Cạn	MT
294	DTN1453110108	Lang Mai	Phượng	01/02/1995	Khoa học môi trường K46N02	Thái	KV-ĐBKK	70%	Từ kỳ I, 2016-2017 đến hết khóa học	Đôn Phục	Con Cuông	Nghệ An	MT
295	DTN1453110049	Lục Thị	Hiệu	10/01/1996	Khoa học môi trường K46N02	Giáy	KV-ĐBKK	70%	Từ kỳ I, 2016-2017 đến hết khóa học	TT. Đồng Văn	Đồng Văn	Hà Giang	MT
296	DTN1453110179	Lô Anh	Tuấn	18/05/1996	Khoa học môi trường K46N02	Nùng	KV-ĐBKK	70%	Từ kỳ I, 2016-2017 đến hết khóa học	Liêm Thủy	Na Rì	Bắc Cạn	MT
297	DTN1453110125	Lương Thị	Thương	13/06/1996	Khoa học môi trường K46N02	Tày	KV-ĐBKK	70%	Từ kỳ I, 2016-2017 đến hết khóa học	Hợp Thành	Phú Lương	Thái Nguyên	MT
298	DTN1453110073	Triệu Văn	Khe	07/06/1994	Khoa học môi trường K46N02	Dao	KV-ĐBKK	70%	Từ kỳ I, 2016-2017 đến hết khóa học	Xuân La	Pác Nặm	Bắc Cạn	MT
299	DTN1453110113	Long Văn	Quang	02/12/1994	Khoa học môi trường K46N02	La chí	KV-ĐBKK	70%	Từ kỳ I, 2016-2017 đến hết khóa học	Nà Khương	Quang Bình	Hà Giang	MT
300	DTN1353110363	Lãnh Mạnh	Hùng	28/05/1994	Khoa học môi trường K46N03	Tày	KV-ĐBKK	70%	Từ kỳ I, 2016-2017 đến hết khóa học	Lương Thông	Thông Nông	Cao Bằng	MT
301	DTN1353110273	Ma Doãn	Trường	29/09/1994	Khoa học môi trường K46N03	Tày	KV-ĐBKK	70%	Từ kỳ I, 2016-2017 đến hết khóa học	Minh Quang	Chiêm Hóa	Tuyên Quang	MT
302	DTN1453110051	Luân Thị	Hoa	10/06/1996	Khoa học môi trường K46N03	Tày	KV-ĐBKK	70%	Từ kỳ I, 2016-2017 đến hết khóa học	Thanh Định	Định Hóa	Thái Nguyên	MT
303	DTN1353110285	Hoàng Duy	Tùng	06/08/1994	Khoa học môi trường K46N03	Nùng	KV-ĐBKK	70%	Từ kỳ I, 2016-2017 đến hết khóa học	Tân Long	Đồng Hỷ	Thái Nguyên	MT
304	DTN1430A0068	Bùi Cao	Cường	28/09/1995	Khoa học môi trường K46N03	Mường	KV-ĐBKK	70%	Từ kỳ I, 2016-2017 đến hết khóa học	Nặt Sơn	Kim Bôi	Hòa Bình	MT
305	DTN1430A0046	Viên Ngọc	Chiến	27/12/1993	Khoa học môi trường K46N03	Tày	KV-ĐBKK	70%	Từ kỳ I, 2016-2017 đến hết khóa học	Cao Mã Pờ	Quản Bạ	Hà Giang	MT
306	DTN1453110134	Vi Thị	Tim	29/09/1995	Khoa học môi trường K46N03	Thái	KV-ĐBKK	70%	Từ kỳ I, 2016-2017 đến hết khóa học	Ngọc Lâm	Thanh Chương	Nghệ An	MT
307	DTN1430A0291	Hoàng Thị Trang	Nhung	11/10/1995	Khoa học môi trường K46N03	Tày	KV-ĐBKK	70%	Từ kỳ I, 2016-2017 đến hết khóa học	Khánh Yên Hạ	Văn Bàn	Lào Cai	MT
308	DTN1430A0278	Chấn Thị	Nguyên	05/05/1995	Khoa học môi trường K46N03	Nùng	KV-ĐBKK	70%	Từ kỳ I, 2016-2017 đến hết khóa học	Tả Nhieu	Xín Mần	Hà Giang	MT
309	DTN1430A0066	Ma Xuân	Cương	17/02/1995	Khoa học môi trường K46N03	Tày	KV-ĐBKK	70%	Từ kỳ I, 2016-2017 đến hết khóa học	Bộc Bó	Pác Nặm	Bắc Cạn	MT
310	DTN1430A0024	Lò Thị	Bình	12/09/1993	Khoa học môi trường K46N03	Thái	KV-ĐBKK	70%	Từ kỳ I, 2016-2017 đến hết khóa học	Bản Pá Khôm- Pha Mu	Than Uyên	Lai Châu	MT
311	DTN1553070091	Hoàng Thị	Vỹ	23/12/1997	Trồng trọt (POHE) K47 N01	Tày	KV-ĐBKK	70%	Từ kỳ I, 2016-2017 đến hết khóa học	Quảng Khê	Ba Bể	Bắc Cạn	NH
312	DTN1553130001	Hạ Thị	Ngân	07/11/1997	Trồng trọt (POHE) K47 N01	Tày	KV-ĐBKK	70%	Từ kỳ I, 2016-2017 đến hết khóa học	Dương Phong	Bạch Thông	Bắc Cạn	NH

313	DTN1553070056	Hà Thị Vân	07/07/1996	Trồng trọt (POHE) K47 N01	Tày	KV-ĐBKK	70%	Từ kỳ I, 2016-2017 đến hết khóa học	Tân Thịnh	Chiêm Hóa	Tuyên Quang	NH
314	DTN1554110024	Hà Thị Hoa	16/04/1997	Trồng trọt (POHE) K47 N01	Tày	KV-ĐBKK	70%	Từ kỳ I, 2016-2017 đến hết khóa học	Yên Nhuận	Chợ Đồn	Bắc Cạn	NH
315	DTN1553070037	Lường Thị Nương	08/08/1997	Trồng trọt (POHE) K47 N01	Tày	KV-ĐBKK	70%	Từ kỳ I, 2016-2017 đến hết khóa học	Yên Mỹ	Chợ Đồn	Bắc Cạn	NH
316	DTN1553070007	Nông Thị Dương	26/11/1997	Trồng trọt (POHE) K47 N01	Tày	KV-ĐBKK	70%	Từ kỳ I, 2016-2017 đến hết khóa học	Thượng Ân	Ngân Sơn	Bắc Cạn	NH
317	DTN1553070030	Chèo Lềng Mẩy	09/11/1996	Trồng trọt (POHE) K47 N01	Dao	KV-ĐBKK	70%	Từ kỳ I, 2016-2017 đến hết khóa học	Phảng Sô Lin	Sìn Hồ	Lai Châu	NH
318	DTN1553070008	Triệu Thị Duyên	13/04/1997	Trồng trọt (POHE) K47 N02	Tày	KV-ĐBKK	70%	Từ kỳ I, 2016-2017 đến hết khóa học	Phượng Viên	Chợ Đồn	Bắc Cạn	NH
319	DTN15530A0050	Phàn Văn Hùng	13/08/1996	Trồng trọt (POHE) K47 N02	Dao	KV-ĐBKK	70%	Từ kỳ I, 2016-2017 đến hết khóa học	Bản Lang	Phong Thổ	Lai Châu	NH
320	DTN1553070076	Ông Á Hinh	16/10/1994	Trồng trọt (POHE) K47 N02	Hoa	KV-ĐBKK	70%	Từ kỳ I, 2016-2017 đến hết khóa học	Hợp Hòa	Sơn Dương	Tuyên Quang	NH
321	DTN1553070079	Nông Thị Khánh Ly	01/08/1997	Trồng trọt (POHE) K47 N02	Tày	KV-ĐBKK	70%	Từ kỳ I, 2016-2017 đến hết khóa học	Thái Cường	Thạch An	Cao Bằng	NH
322	DTN1553070052	Nông Thị Hoài Tú	29/11/1997	Trồng trọt (POHE) K47 N02	Tày	KV-ĐBKK	70%	Từ kỳ I, 2016-2017 đến hết khóa học	Đức Thông	Thạch An	Cao Bằng	NH
323	DTN15530A0084	Vàng Mí Nhù	12/05/1996	Trồng trọt (POHE) K47 N02	Mông	KV-ĐBKK	70%	Từ kỳ I, 2016-2017 đến hết khóa học	Lũng Hồ	Yên Minh	Hà Giang	NH
324	DTN1353070066	Hoàng Thị Hiến	02/01/1994	Trồng trọt 1 K45	San Chí	KV-ĐBKK	70%	Từ kỳ I, 2016-2017 đến hết khóa học	Bộc Bó	Pác Nặm	Bắc Cạn	NH
325	DTN1353070079	Nguyễn Thị Ninh	16/11/1994	Trồng trọt 2 K45	Tày	KV-ĐBKK	70%	Từ kỳ I, 2016-2017 đến hết khóa học	Địa Linh	Ba Bể	Bắc Cạn	NH
326	DTN1353070068	Tần Mỹ Chài	07/12/1993	Trồng trọt 2 K45	Dao	KV-ĐBKK	70%	Từ kỳ I, 2016-2017 đến hết khóa học	Tả Phìn	Sìn Hồ	Lai Châu	NH
327	DTN1353070207	Hoàng Thị Oanh	17/03/1995	Trồng trọt 2 K45	Tày	KV-ĐBKK	70%	Từ kỳ I, 2016-2017 đến hết khóa học	Quang Trung	Trà Lĩnh	Cao Bằng	NH
328	DTN1353070096	Quách Thị Huê	06/02/1994	Trồng trọt 2 K45	Tày	KV-ĐBKK	70%	Từ kỳ I, 2016-2017 đến hết khóa học	Bộc Bó	Pác Nặm	Bắc Cạn	NH
329	DTN1353070024	Nguyễn Thu Hồng	25/01/1995	Trồng trọt 3 K45	Tày	KV-ĐBKK	70%	Từ kỳ I, 2016-2017 đến hết khóa học	Chu Hương	Ba Bể	Bắc Cạn	NH
330	DTN1353070077	Trương Thị Giang	04/08/1994	Trồng trọt 3 K45	Tày	KV-ĐBKK	70%	Từ kỳ I, 2016-2017 đến hết khóa học	Phù Ngọc	Hà Quảng	Cao Bằng	NH
331	DTN1353070098	Hạng Thị Mai	01/06/1993	Trồng trọt 3 K45	HMông	KV-ĐBKK	70%	Từ kỳ I, 2016-2017 đến hết khóa học	Cao Mã Pờ	Quản Bạ	Hà Giang	NH
332	DTN1353070161	Hà Trà My	14/09/1995	Trồng trọt 3 K45	Tày	KV-ĐBKK	70%	Từ kỳ I, 2016-2017 đến hết khóa học	TT. Tam Sơn	Quản Bạ	Hà Giang	NH
333	DTN1430A0130	Hoàng Thị Hà	17/05/1993	Trồng trọt K46N01	Mông	KV-ĐBKK	70%	Từ kỳ I, 2016-2017 đến hết khóa học	Đồng Phúc	Ba Bể	Bắc Cạn	NH
334	DTN1453070049	Hoàng Thị Thu Vân	06/11/1996	Trồng trọt K46N01	San Chí	KV-ĐBKK	70%	Từ kỳ I, 2016-2017 đến hết khóa học	Yên Ninh	Phú Lương	Thái Nguyên	NH
335	DTN1454120180	Hoàng Thị Oanh	04/10/1995	Trồng trọt K46N01	Nùng	KV-ĐBKK	70%	Từ kỳ I, 2016-2017 đến hết khóa học	TT. Thông Nông	Thông Nông	Cao Bằng	NH
336	DTN1430A0183	Hoàng Duy Hưng	11/08/1993	Trồng trọt K46N01	Nùng	KV-ĐBKK	70%	Từ kỳ I, 2016-2017 đến hết khóa học	Lý Bôn	Bảo Lâm	Cao Bằng	NH
337	DTN1430A0430	Nguyễn Xuân Trường	25/04/1995	Trồng trọt K46N02	Tày	KV-ĐBKK	70%	Từ kỳ I, 2016-2017 đến hết khóa học	Vũ Chấn	Võ Nai	Thái Nguyên	NH
338	DTN1453070035	Hoàng Thị Hương	27/09/1995	Trồng trọt K46N02	Mường	KV-ĐBKK	70%	Từ kỳ I, 2016-2017 đến hết khóa học	Minh Hòa	Yên Lập	Phú Thọ	NH
339	DTN1453070063	Lưu Thị Dự	06/03/1996	Trồng trọt K46N02	Nùng	KV-ĐBKK	70%	Từ kỳ I, 2016-2017 đến hết khóa học	Đại Sơn	Phục Hoà	Cao Bằng	NH

340	DTN1453070044	Nguyễn Quốc Toàn	24/09/1994	Trồng trọt K46N02	Tày	KV-ĐBKK	70%	Từ kỳ I, 2016-2017 đến hết khóa học	Phương Thiệu	TX Hà Giang	Hà Giang	NH
341	DTN1253180089	Trương Tiến Hoàng	05/03/1994	Địa chính môi trường K45N01	Sán Diu	KV-ĐBKK	70%	Từ kỳ I, 2016-2017 đến hết khóa học	Thượng Nông	Na Hang	Tuyên Quang	QLTN
342	DTN1354120266	Hoàng Văn Tâm	20/09/1995	Địa chính môi trường K45N03	Tày	KV-ĐBKK	70%	Từ kỳ I, 2016-2017 đến hết khóa học	Hưng Đạo	Bình Gia	Lạng Sơn	QLTN
343	DTN1354120460	Bùi Văn Thái	19/08/1994	Địa chính môi trường K45N03	Thái	KV-ĐBKK	70%	Từ kỳ I, 2016-2017 đến hết khóa học	Tiền Phong	Quế Phong	Nghệ An	QLTN
344	DTN1354120421	Hoàng Thị Phụng	20/02/1994	Địa chính môi trường K46N01	Tày	KV-ĐBKK	70%	Từ kỳ I, 2016-2017 đến hết khóa học	Phù Ngọc	Hà Quảng	Cao Bằng	QLTN
345	DTN1430A0145	Hoàng Thị Thu Hiền	01/01/1995	Địa chính môi trường K46N01	Nùng	KV-ĐBKK	70%	Từ kỳ I, 2016-2017 đến hết khóa học	TT. Xuân Hòa	Hà Quảng	Cao Bằng	QLTN
346	DTN1430A0394	Trần Thị Thương	24/12/1994	Địa chính môi trường K46N01	Nùng	KV-ĐBKK	70%	Từ kỳ I, 2016-2017 đến hết khóa học	TT. Xuân Hòa	Hà Quảng	Cao Bằng	QLTN
347	DTN1354120467	Phạm Thị Mai	10/10/1994	Địa chính môi trường K46N01	Mường	KV-ĐBKK	70%	Từ kỳ I, 2016-2017 đến hết khóa học	Đồng Lương	Lang Chánh	Thanh Hóa	QLTN
348	DTN1430A0200	Hằng A Khua	03/02/1995	Địa chính môi trường K46N01	Mông	KV-ĐBKK	70%	Từ kỳ I, 2016-2017 đến hết khóa học	La Pán Tẩn	Mù Cang Chải	Yên Bái	QLTN
349	DTN1430A0097	Nông Thị Mỹ Dương	09/09/1995	Địa chính môi trường K46N01	Thái	KV-ĐBKK	70%	Từ kỳ I, 2016-2017 đến hết khóa học	Nậm Ban	Sìn Hồ	Lai Châu	QLTN
350	DTN1430A0240	Hà Thiên Long	24/07/1995	Địa chính môi trường K46N01	Tày	KV-ĐBKK	70%	Từ kỳ I, 2016-2017 đến hết khóa học	Nghinh Tường	Võ Nhai	Thái Nguyên	QLTN
351	DTN1430A0001	Lục Văn An	21/01/1995	Địa chính môi trường K46N01	Tày	KV-ĐBKK	70%	Từ kỳ I, 2016-2017 đến hết khóa học	Quảng Lâm	Bảo Lâm	Cao Bằng	QLTN
352	DTN1354120448	Ngân Anh Tuấn	03/03/1993	Địa chính môi trường K46N02	Thái	KV-ĐBKK	70%	Từ kỳ I, 2016-2017 đến hết khóa học	Thành Sơn	Bá Thước	Thanh Hóa	QLTN
353	DTN1354120473	La Hải Quyền	08/11/1994	Địa chính môi trường K46N02	Tày	KV-ĐBKK	70%	Từ kỳ I, 2016-2017 đến hết khóa học	Quý Quân	Hà Quảng	Cao Bằng	QLTN
354	DTN1454120179	Lưu Thị Nhung	26/02/1996	Địa chính môi trường K46N02	Tày	KV-ĐBKK	70%	Từ kỳ I, 2016-2017 đến hết khóa học	Phúc Tân	Phổ Yên	Thái Nguyên	QLTN
355	DTN1354120111	Nguyễn Văn Hạnh	05/04/1995	Địa chính môi trường K46N02	Tày	KV-ĐBKK	70%	Từ kỳ I, 2016-2017 đến hết khóa học	Linh Hồ	Vị Xuyên	Hà Giang	QLTN
356	DTN1454120321	Phạm Thị Thúy Hòa	11/10/1996	Địa chính môi trường K46N03	Tày	KV-ĐBKK	70%	Từ kỳ I, 2016-2017 đến hết khóa học	Tân Long	Đồng Hỷ	Thái Nguyên	QLTN
357	DTN1454120225	Doanh Đức Thiết	14/03/1995	Địa chính môi trường K46N03	Tày	KV-ĐBKK	70%	Từ kỳ I, 2016-2017 đến hết khóa học	Thượng Ân	Ngân Sơn	Bắc Cạn	QLTN
358	DTN1454120217	Nguyễn Thu Thảo	21/11/1996	Địa chính môi trường K46N03	Tày	KV-ĐBKK	70%	Từ kỳ I, 2016-2017 đến hết khóa học	Hợp Thành	Phú Lương	Thái Nguyên	QLTN
359	DTN1454120201	Tần Mí Sếnh	10/06/1996	Địa chính môi trường K46N03	Dao	KV-ĐBKK	70%	Từ kỳ I, 2016-2017 đến hết khóa học	Tả Phìn	Sìn Hồ	Lai Châu	QLTN
360	DTN1454120197	Hoàng Văn Quyển	04/06/1992	Địa chính môi trường K46N03	Tày	KV-ĐBKK	70%	Từ kỳ I, 2016-2017 đến hết khóa học	Song Giang	Văn Quan	Lạng Sơn	QLTN
361	DTN15530A0045	Triệu Thị Hồng	18/05/1996	Địa chính môi trường K47	Dao	KV-ĐBKK	70%	Từ kỳ I, 2016-2017 đến hết khóa học	Quảng Khê	Ba Bể	Bắc Cạn	QLTN
362	DTN15530A0117	Lò Thị Thiếp	08/10/1995	Địa chính môi trường K47	Thái	KV-ĐBKK	70%	Từ kỳ I, 2016-2017 đến hết khóa học	Mường Tè	Mường Tè	Lai Châu	QLTN
363	DTN1554120202	Trương Hoàng Kiều Trang	28/09/1997	Địa chính môi trường K47	Tày	KV-ĐBKK	70%	Từ kỳ I, 2016-2017 đến hết khóa học	Xà Hồ	Trạm Tấu	Yên Bái	QLTN
364	DTN15530A0118	Quảng Thị Thơ	30/01/1996	Địa chính môi trường K47	Thái	KV-ĐBKK	70%	Từ kỳ I, 2016-2017 đến hết khóa học	Mường Mùn	Tuần Giáo	Điện Biên	QLTN
365	DTN1354120260	Lùng Thị Sen	23/09/1995	Quản lý đất đai K45N01	Nùng	KV-ĐBKK	70%	Từ kỳ I, 2016-2017 đến hết khóa học	Cốc Ly	Bắc Hà	Lào Cai	QLTN
366	DTN1354120442	Sân Thị Yển	19/07/1994	Quản lý đất đai K45N01	Nùng	KV-ĐBKK	70%	Từ kỳ I, 2016-2017 đến hết khóa học	Quyết Tiến	Quản Bạ	Hà Giang	QLTN
367	DTN1354120418	Cầm Bá Hạnh	15/09/1994	Quản lý đất đai K45N01	Thái	KV-ĐBKK	70%	Từ kỳ I, 2016-2017 đến hết khóa học	Xuân Chinh	Thường Xuân	Thanh Hóa	QLTN
368	DTN1354120284	Hà Hương Thảo	17/06/1995	Quản lý đất đai K45N01	Nùng	KV-ĐBKK	70%	Từ kỳ I, 2016-2017 đến hết khóa học	Lăng Yên	Trùng Khánh	Cao Bằng	QLTN
369	DTN1254120078	Trần văn Xa	19/06/1994	Quản lý đất đai K45N02	Tày	KV-ĐBKK	70%	Từ kỳ I, 2016-2017 đến hết khóa học	Phúc Lộc	Ba Bể	Bắc Cạn	QLTN
370	DTN1254120116	Hoàng Quốc Cường	24/11/1994	Quản lý đất đai K45N02	Tày	KV-ĐBKK	70%	Từ kỳ I, 2016-2017 đến hết khóa học	Hoa Thám	Bình Gia	Lạng Sơn	QLTN

371	DTN1354120082	Bế Thị	Giang	28/08/1995	Quản lý đất đai K45N02	Tày	KV-ĐBKK	70%	Từ kỳ I, 2016-2017 đến hết khóa học	Lục Hồn	Bình Liêu	Quảng Ninh	QLTN
372	DTN1354120379	Trần Thị	Văn	09/09/1995	Quản lý đất đai K45N02	San Chí	KV-ĐBKK	70%	Từ kỳ I, 2016-2017 đến hết khóa học	Phú Đô	Phú Lương	Thái Nguyên	QLTN
373	DTN1354120172	Hà Quang	Huy	01/08/1995	Quản lý đất đai K45N03	Tày	KV-ĐBKK	70%	Từ kỳ I, 2016-2017 đến hết khóa học	Nghinh Tường	Võ Nhai	Thái Nguyên	QLTN
374	DTN1430A0218	Vàng A	Lầu	28/10/1993	Quản lý đất đai K46N01	Mông	KV-ĐBKK	70%	Từ kỳ I, 2016-2017 đến hết khóa học	Sa Long	Mường Chà	Điện Biên	QLTN
375	DTN1430A0316	Lý Thị	Quan	19/08/1994	Quản lý đất đai K46N01	Dao	KV-ĐBKK	70%	Từ kỳ I, 2016-2017 đến hết khóa học	Chu Hương	Ba Bể	Bắc Cạn	QLTN
376	DTN1430A0271	Lý Thu	Ngà	29/03/1995	Quản lý đất đai K46N01	Nùng	KV-ĐBKK	70%	Từ kỳ I, 2016-2017 đến hết khóa học	Na Hối	Bắc Hà	Lào Cai	QLTN
377	DTN1430A0114	Trần Văn	Đồng	19/05/1993	Quản lý đất đai K46N01	Giáy	KV-ĐBKK	70%	Từ kỳ I, 2016-2017 đến hết khóa học	Bản Qua	Bát Xát	Lào Cai	QLTN
378	DTN1430A0193	Sin Văn	Ích	19/10/1995	Quản lý đất đai K46N01	Giáy	KV-ĐBKK	70%	Từ kỳ I, 2016-2017 đến hết khóa học	Bản Qua	Bát Xát	Lào Cai	QLTN
379	DTN1430A0026	Phan Văn	Bình	29/01/1995	Quản lý đất đai K46N01	Tày	KV-ĐBKK	70%	Từ kỳ I, 2016-2017 đến hết khóa học	Kiên Mộc	Đình Lập	Lạng Sơn	QLTN
380	DTN1430A0268	Lộc Thị	Nàng	04/08/1993	Quản lý đất đai K46N01	Nùng	KV-ĐBKK	70%	Từ kỳ I, 2016-2017 đến hết khóa học	Bắc Xa	Đình Lập	Lạng Sơn	QLTN
381	DTN1430A0076	Nông Văn	Cường	15/10/1994	Quản lý đất đai K46N01	Tày	KV-ĐBKK	70%	Từ kỳ I, 2016-2017 đến hết khóa học	Sóc Hà	Hà Quảng	Cao Bằng	QLTN
382	DTN1430A0098	Nông Thị	Duyên	09/09/1995	Quản lý đất đai K46N01	Nùng	KV-ĐBKK	70%	Từ kỳ I, 2016-2017 đến hết khóa học	Lũng Nặm	Hà Quảng	Cao Bằng	QLTN
383	DTN1430A0276	Bùi Thị Bích	Ngọc	07/09/1995	Quản lý đất đai K46N01	Mường	KV-ĐBKK	70%	Từ kỳ I, 2016-2017 đến hết khóa học	Bắc Sơn	Kim Bôi	Hòa Bình	QLTN
384	DTN1430A0176	Tổng Thị	Huế	09/07/1995	Quản lý đất đai K46N01	Thái	KV-ĐBKK	70%	Từ kỳ I, 2016-2017 đến hết khóa học	Mường Tè	Mường Tè	Lai Châu	QLTN
385	DTN1430A0041	Lý A	Châu	19/05/1995	Quản lý đất đai K46N01	Dao	KV-ĐBKK	70%	Từ kỳ I, 2016-2017 đến hết khóa học	Pa Khóa	Sin Hồ	Lai Châu	QLTN
386	DTN1430A0034	Lý Đình	Cai	10/11/1995	Quản lý đất đai K46N01	Dao	KV-ĐBKK	70%	Từ kỳ I, 2016-2017 đến hết khóa học	Tân An	Văn Bàn	Lào Cai	QLTN
387	DTN1453T0004	Tráng Văn	Châu	18/08/1996	Quản lý đất đai K46N01	Xuông	KV-ĐBKK	70%	Từ kỳ I, 2016-2017 đến hết khóa học	Đông Minh	Yên Minh	Hà Giang	QLTN
388	DTN1430A0055	Mào Thị	Chung	11/11/1994	Quản lý đất đai K46N01	Thái	KV-ĐBKK	70%	Từ kỳ I, 2016-2017 đến hết khóa học	Mường Mô	Nậm Nhùn	Lai Châu	QLTN
389	DTN1430A0142	Lò Thị	Hằng	09/08/1995	Quản lý đất đai K46N01	Thái	KV-ĐBKK	70%	Từ kỳ I, 2016-2017 đến hết khóa học	Ắng Cang	Mường Ắng	Điện Biên	QLTN
390	DTN1430A0232	Vì A	Linh	04/03/1994	Quản lý đất đai K46N01	HMông	KV-ĐBKK	70%	Từ kỳ I, 2016-2017 đến hết khóa học	Sính Phình	Tủa Chùa	Điện biên	QLTN
391	DTN1454120077	Ngô Thị Thu	Hằng	21/02/1996	Quản lý đất đai K46N02	Tày	KV-ĐBKK	70%	Từ kỳ I, 2016-2017 đến hết khóa học	Hoành Mô	Bình Liêu	Quảng Ninh	QLTN
392	DTN1454120278	Dương Trùng	Vằng	24/07/1996	Quản lý đất đai K46N02	Dao	KV-ĐBKK	70%	Từ kỳ I, 2016-2017 đến hết khóa học	Mẫu Sơn	Cao Lộc	Lạng Sơn	QLTN
393	DTN1454120288	Nguyễn Thị	Yến	20/07/1996	Quản lý đất đai K46N02	Tày	KV-ĐBKK	70%	Từ kỳ I, 2016-2017 đến hết khóa học	Yên Trạch	Phú Lương	Thái Nguyên	QLTN
394	DTN1454120279	Vương Thị	Vâng	05/11/1996	Quản lý đất đai K46N02	Nùng	KV-ĐBKK	70%	Từ kỳ I, 2016-2017 đến hết khóa học	Thụy Hùng	Thạch An	Cao Bằng	QLTN
395	DTN1454120102	Nông Thị	Huế	08/03/1995	Quản lý đất đai K46N04	Nùng	KV-ĐBKK	70%	Từ kỳ I, 2016-2017 đến hết khóa học	Đại Sơn	Phục Hoà	Cao Bằng	QLTN
396	DTN1554120065	Lò Văn	Hòa	16/03/1997	Quản lý đất đai K47 N01	Thái	KV-ĐBKK	70%	Từ kỳ I, 2016-2017 đến hết khóa học	Trung Đồng	Tân Uyên	Lai Châu	QLTN
397	DTN1554120114	Phàn Tả	Mảy	20/10/1995	Quản lý đất đai K47 N01	Dao	KV-ĐBKK	70%	Từ kỳ I, 2016-2017 đến hết khóa học	A Lù	Bát Xát	Lào Cai	QLTN
398	DTN1554120011	Triệu Thị	Ánh	12/03/1997	Quản lý đất đai K47 N01	Tày	KV-ĐBKK	70%	Từ kỳ I, 2016-2017 đến hết khóa học	Minh Long	Hạ Lang	Cao Bằng	QLTN
399	DTN15530A0067	Hà Thị	Luyến	24/05/1995	Quản lý đất đai K47 N01	Giáy	KV-ĐBKK	70%	Từ kỳ I, 2016-2017 đến hết khóa học	Niêm Tông	Mèo Vạc	Hà Giang	QLTN
400	DTN1554120268	Sùng Thị	Mai	12/06/1997	Quản lý đất đai K47 N01	Mông	KV-ĐBKK	70%	Từ kỳ I, 2016-2017 đến hết khóa học	Đào San	Phong Thổ	Lai Châu	QLTN
401	DTN1554120119	Hà Thị Trà	My	25/12/1996	Quản lý đất đai K47 N01	Mường	KV-ĐBKK	70%	Từ kỳ I, 2016-2017 đến hết khóa học	Địch Quả	Thanh Sơn	Phú Thọ	QLTN

402	DTN1554120201	Nguyễn Thị Hà Trang	27/08/1997	Quản lý đất đai K47 N01	Nùng	KV-ĐBKK	70%	Từ kỳ I, 2016-2017 đến hết khóa học	Bình Long	Võ Nhai	Thái Nguyên	QLTN
403	DTN1554120002	Hoàng Thị Anh	20/06/1997	Quản lý đất đai K47 N02	Tày	KV-ĐBKK	70%	Từ kỳ I, 2016-2017 đến hết khóa học	Đường Hồng	Bắc Mê	Hà Giang	QLTN
404	DTN1554120038	Trần Thị Duyên	07/08/1997	Quản lý đất đai K47 N02	Tày	KV-ĐBKK	70%	Từ kỳ I, 2016-2017 đến hết khóa học	Phú Cường	Đại Từ	Thái Nguyên	QLTN
405	DTN1554120103	Dương Văn Luật	02/11/1997	Quản lý đất đai K47 N02	Tày	KV-ĐBKK	70%	Từ kỳ I, 2016-2017 đến hết khóa học	Phúc Chu	Định Hóa	Thái Nguyên	QLTN
406	DTN1554120217	Dương Công Tuyển	28/12/1996	Quản lý đất đai K47 N02	Tày	KV-ĐBKK	70%	Từ kỳ I, 2016-2017 đến hết khóa học	Đức Long	Hoà An	Cao Bằng	QLTN
407	DTN1554120054	Tần A Hạc	15/05/1997	Quản lý đất đai K47 N02	Dao	KV-ĐBKK	70%	Từ kỳ I, 2016-2017 đến hết khóa học	Căn Co	Sin Hồ	Lai Châu	QLTN
408	DTN1554120258	Chấn Thúy Viện	10/08/1997	Quản lý đất đai K47 N02	Nùng	KV-ĐBKK	70%	Từ kỳ I, 2016-2017 đến hết khóa học	Tả Nhiu	Xín Mần	Hà Giang	QLTN
409	DTN15530A0158	Lường Văn Cữu	15/04/1996	Quản lý đất đai K47 N02	Thái	KV-ĐBKK	70%	Từ kỳ I, 2016-2017 đến hết khóa học	Mường Nhé	Mường Nhé	Điện Biên	QLTN
410	DTN1554120016	Phan Thị Bích	20/05/1997	Quản lý đất đai K47 N03	Tày	KV-ĐBKK	70%	Từ kỳ I, 2016-2017 đến hết khóa học	Công Trùng	Hoà An	Cao Bằng	QLTN
411	DTN1554120100	Đình Thiện Long	22/02/1997	Quản lý đất đai K47 N03	Tày	KV-ĐBKK	70%	Từ kỳ I, 2016-2017 đến hết khóa học	Thuần Mang	Ngân Sơn	Bắc Cạn	QLTN
412	DTN1554120093	Nguyễn Thị Liễu	13/09/1997	Quản lý đất đai K47 N03	Tày	KV-ĐBKK	70%	Từ kỳ I, 2016-2017 đến hết khóa học	Yên Trạch	Phú Lương	Thái Nguyên	QLTN
413	DTN1554120204	Hứa Thị Trang	06/06/1997	Quản lý đất đai K47 N03	Tày	KV-ĐBKK	70%	Từ kỳ I, 2016-2017 đến hết khóa học	Đình Phong	Trùng Khánh	Cao Bằng	QLTN
414	DTN1554120062	Hoàng Thị Hiền	02/03/1997	Quản lý đất đai K47 N03	Tày	KV-ĐBKK	70%	Từ kỳ I, 2016-2017 đến hết khóa học	Đình Phong	Trùng Khánh	Cao Bằng	QLTN
415	DTN15530A0138	Ma Thị Yển	16/02/1996	Quản lý đất đai K47 N03	Tày	KV-ĐBKK	70%	Từ kỳ I, 2016-2017 đến hết khóa học	Nam Quang	Bảo Lâm	Cao Bằng	QLTN
416	DTN1558510071	Nông Hoàng Mạnh	19/05/1997	Quản lý tài nguyên và môi trường K47	Tày	KV-ĐBKK	70%	Từ kỳ I, 2016-2017 đến hết khóa học	Mai Lạp	Chợ Mới	Bắc Cạn	QLTN
417	DTN1558510043	Ma Thị Thương	07/05/1997	Quản lý tài nguyên và môi trường K47	Tày	KV-ĐBKK	70%	Từ kỳ I, 2016-2017 đến hết khóa học	Yên Cư	Chợ Mới	Bắc Cạn	QLTN
418	DTN1558510010	Nông Thị Đông	27/05/1997	Quản lý tài nguyên và môi trường K47	Tày	KV-ĐBKK	70%	Từ kỳ I, 2016-2017 đến hết khóa học	Khuôn Hà	Lâm Bình	Tuyên Quang	QLTN
419	DTN1558510069	Nông Văn Tỷ	27/08/1996	Quản lý tài nguyên và môi trường K47	Tày	KV-ĐBKK	70%	Từ kỳ I, 2016-2017 đến hết khóa học	Đoàn Kết	Tràng Định	Lạng Sơn	QLTN

Ấn định: **419** SV

Người lập danh sách

Người lập danh sách

Người lập danh sách

Đỗ Thị Dương

**DANH SÁCH SINH VIÊN THUỘC HỘ NGHÈO, CẬN NGHÈO
MIỄN GIẢM HỌC PHÍ HỌC KỲ I, NĂM 2016-2017**

(Kèm theo Quyết định số 1290 /QĐ/ĐHTN-HSSV ngày 07 tháng 10 năm 2016)

STT	Mã SV	Họ và tên	Ngày sinh	L ớn	Dân tộc	Đối tượng	Mức	Thời gian	Hộ khẩu thường trú	Khoa
-----	-------	-----------	-----------	------	---------	-----------	-----	-----------	--------------------	------

STT	Mã CV	Họ và tên	Ngày sinh	Lớp	Đan tộc	MGHP	MGHP					
0												
159	DTN1353110279	Hoàng Anh Tuấn	22/01/1993	Khoa học môi trường 4 K45	Nùng	HN	100%	Hết kỳ I, 2016-2017.	Nhạc Kỳ	Văn Lãng	Lạng Sơn	MT
166	DTN1558520008	Ma Đình Tuấn	02/02/1996	Kinh tế tài nguyên môi trường K47	Tày	HN	100%	Hết kỳ I, 2016-2017.	Hồng Quang	Lâm Bình	Tuyên Quang	MT

Người lập danh sách

Đỗ Thị Dương

MGHP
MGHP
MGHP
MGHP
MGHP
MGHP
MGHP
MGHP
MGHP
MGHP
MGHP
MGHP
MGHP
MGHP
MGHP
MGHP
MGHP
MGHP
MGHP
MGHP

[illegible]

MGHP
MGHP
MGHP
MGHP
MGHP
MGHP
MGHP
MGHP
MGHP
MGHP
MGHP
MGHP
MGHP

MGHP
MGHP
MGHP
MGHP
MGHP
MGHP
MGHP
MGHP
MGHP
MGHP
MGHP
MGHP
MGHP
MGHP
MGHP

[illegible]

[illegible]

[illegible]

[illegible]

[illegible]

[illegible]

[illegible]

[illegible]

[illegible]

MGHP
MGHP
MGHP
MGHP
MGHP
MGHP
MGHP
MGHP
MGHP
MGHP
MGHP
MGHP
MGHP
MGHP
MGHP
MGHP
MGHP
MGHP

1

MGHP
MGHP